

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên: Hoàng Thị Luân

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂN THẾ HUYNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên: Hoàng Thị Luân

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Luân

Mã SV: 120024

Lớp: QT1201K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

+ Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

+ Phản ánh được thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh.

+ Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh, trên cơ sở đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2011 của Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Thụ.**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: **Khoá luận tốt nghiệp**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hoàng Thị Luân

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI | 2 |
| 1.1.NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DN THƯƠNG MẠI..... | 2 |
| 1.1.1.Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. | 2 |
| 1.1.2.Vai trò, nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại. | 3 |
| 1.1.3.Những khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. | 5 |
| 1.1.4. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp thương mại..... | 8 |
| 1.1.4.1.Bán hàng..... | 8 |
| 1.1.4.2.Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp thương mại. | 8 |
| 1.1.5.Các phương thức thanh toán. | 10 |
| 1.2.NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI. | 10 |
| 1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu..... | 10 |
| 1.2.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... | 10 |
| 1.2.1.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu..... | 16 |
| 1.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán..... | 20 |
| 1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. | 25 |
| 1.2.3.1.Kế toán chi phí bán hàng..... | 25 |
| 1.2.3.2.Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp..... | 26 |
| 1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính. | 29 |
| 1.2.4.1.Kế toán doanh thu tài chính. | 29 |

| | |
|---|----|
| 1.2.4.2.Kế toán chi phí hoạt động tài chính. | 29 |
| 1.2.5.Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác..... | 32 |
| 1.2.5.1.Kế toán thu nhập từ hoạt động khác..... | 32 |
| 1.2.5.2.Kế toán chi phí từ hoạt động khác. | 32 |
| 1.2.6.Xác định kết quả kinh doanh..... | 35 |
| CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THẾ HUYNH | 38 |
| 2.1.KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THẾ HUYNH. | 38 |
| 2.1.1. Quá trình hình thành phát triển | 38 |
| 2.1.2.Đặc điểm sản xuất kinh doanh. | 39 |
| 2.1.3.Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty..... | 41 |
| 2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty. | 43 |
| 2.1.4.1. Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty. | 43 |
| 2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán | 44 |
| 2.2.THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY. | 48 |
| 2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần Tân Thế Huynh..... | 48 |
| 2.2.1.1.Đặc điểm của sản phẩm và phương thức bán hàng..... | 48 |
| 2.2.1.2.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần Tân Thế Huynh..... | 50 |
| 2.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán..... | 61 |
| 2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. | 69 |
| 2.2.3.1.Kế toán chi phí bán hàng..... | 69 |
| 2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp..... | 76 |
| 2.4.Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính..... | 83 |
| 2.4.1.Kế toán doanh thu tài chính | 83 |
| 2.4.2.Kế toán chi phí tài chính | 83 |
| 2.4.3. Phương pháp hạch toán. | 84 |

| | |
|--|-----|
| 2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh. | 91 |
| CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THẾ HUYNH | 98 |
| 3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG | 98 |
| 3.1.1 Ưu điểm..... | 98 |
| 3.1.2. Nhược điểm..... | 100 |
| 3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THẾ HUYNH. | 103 |
| 3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tân Thế Huynh. | 103 |
| 3.2.2 Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán..... | 103 |
| 3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Tân Thế Huynh. | 104 |
| KẾT LUẬN | 116 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 117 |

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình luôn phải tạo được doanh thu và đảm bảo tạo được lợi nhuận từ khoản doanh thu đó. Doanh thu có thể được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau do đó quy trình hạch toán cũng được phân chia ra thành rất nhiều loại, mỗi nguồn doanh thu lại có một quy trình hạch toán khác nhau. Chính vì vậy, từng doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý, công tác tổ chức kế toán, đặc biệt là công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, đây là công cụ giúp cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển vững mạnh.

Qua quá trình thực tập tại công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh, được sự giúp đỡ và chỉ bảo của giáo viên hướng dẫn Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ, ban lãnh đạo và phòng kế toán công ty, em đã có cơ hội tìm hiểu thực tế công tác tổ chức kế toán tại công ty và đi sâu vào nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh”.

Bài khóa luận của em bao gồm 3 chương chính như sau:

Chương I: Những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh.

Chương III: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh.

Do thời gian thực tập là có hạn nên khóa luận tốt nghiệp của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2012

Sinh viên

Hoàng Thị Luân

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.1.NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DN THƯƠNG MẠI.

1.1.1.Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất. Do đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào, lĩnh vực nào đạt hiệu quả cao, đồng thời xem xét, phân tích những mặt nào còn hạn chế. Từ đó doanh nghiệp có thể đưa ra giải pháp, chiến lược kinh doanh đúng đắn nhất. Vì vậy, doanh nghiệp cần phải hiểu rõ vai trò của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để có thể tổ chức công tác kế toán thật hợp lý và phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ có vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa đối với các tổ chức, cá nhân. Trên cơ sở đó giúp họ đưa ra được sự đánh giá, quyết định đúng đắn cho mục đích của mình.

❖ Đối với doanh nghiệp

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước
- Thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

❖ Đối với nhà nước

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo về điều kiện chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.

- Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

❖ Đối với nhà đầu tư:

Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

❖ Đối với tổ chức trung gian tài chính

Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định chi vay vốn đầu tư.

1.1.2. Vai trò, nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.**➤ Vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.**

Doanh thu là nguồn thu quan trọng để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải số vốn đã bỏ ra như chi phí về tiền lương, thưởng của người lao động, chi phí nguyên vật liệu, thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước... đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn, đồng thời mở rộng sản xuất, tăng

quy mô hoạt động của doanh nghiệp; là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con...

Doanh thu cao nghĩa là quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa dịch vụ của doanh nghiệp tốt, góp phần làm tăng tốc độ luân chuyển vốn và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo. Ngược lại, nếu doanh thu không đủ bù đắp những chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính, và nếu tình trạng này kéo dài doanh nghiệp sẽ không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi tới phá sản.

Bởi vậy, doanh thu có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp, là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là: số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Bởi thế, đối với Doanh nghiệp thì kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển. Xác định đúng kết quả kinh doanh giúp Doanh nghiệp theo dõi được tình hình sản xuất kinh doanh trong những năm qua và đề ra những chiến lược cho kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Do đó, đòi hỏi kế toán phải xác định đúng và phản ánh một cách chính xác kết quả kinh doanh của đơn vị mình.

➤ **Nhiệm vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.**

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán bán hàng phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời phải

theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng hành để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác để làm cơ sở xác định kết quả kinh doanh.

- Xác định chính xác kết quả kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.

- Ngoài ra kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính.

1.1.3. Những khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

★**Doanh thu:** là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu:

➤ **Chiết khấu thương mại:** là khoản mà người bán thưởng cho người mua, do người mua đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn trong thời gian nhất định theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết về mua, bán hàng.

➤ **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp: hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng.

➤ **Hàng bán bị trả lại:** là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân sau: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại...

➤ Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

➤ Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

➤ Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: là toàn bộ lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được liên quan tới hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Khoản doanh thu này bắt nguồn từ: tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng, lãi do cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm, lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, cổ tức và lợi nhuận được chia, thu từ cho thuê quyền sở hữu, sử dụng tài sản, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản, chiết khấu thanh toán được hưởng, thu nhập khác có liên quan đến hoạt động tài chính.

Thu nhập khác: là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên. Nội dung của thu nhập khác bao gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; các khoản thu khác...

★ **Chi phí:** là khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản sau:

Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chi phí bán hàng: là chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như: chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm; chi phí quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý; chi phí nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành...

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các chi phí có liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp; các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN; khấu hao TSCĐ; các khoản thuế, phí, lệ phí; chi phí dịch vụ mua ngoài; các chi phí bằng tiền khác...

Chi phí hoạt động tài chính: phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính, bao gồm: các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, hay phát sinh khi bán ngoại tệ; chi phí đi vay và cho vay vốn...

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: chi phí thanh lý; giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý; nhượng bán TSCĐ (nếu có)...

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhằm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

★ **Kết quả kinh doanh:** là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Công thức xác định kết quả kinh doanh (Tổng LN kế toán trước thuế):

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Kết quả} & & \text{Kết quả} & & \text{Kết quả} & & \text{Kết quả} \\
 \text{kinh doanh} & = & \text{hoạt động} & + & \text{hoạt động} & + & \text{hoạt động} \\
 & & \text{sản xuất} & & \text{tài chính} & & \text{khác} \\
 & & \text{kinh doanh} & & & &
 \end{array}$$

Trong đó:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa Doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN.

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

❖ *Lợi nhuận sau thuế*: là phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ phần thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận}}{\text{Kế toán trước thuế}} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

1.1.4. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp thương mại.

1.1.4.1. Bán hàng

Bán hàng là khâu cuối cùng của quá trình hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại. Đây là quá trình chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho người mua và doanh nghiệp thu tiền.

Xét về góc độ kinh tế: Bán hàng là quá trình hàng hóa của doanh nghiệp chuyển từ hình thái vật chất (hàng) sang hình thái tiền tệ (tiền).

Quá trình bán hàng của các doanh nghiệp nói chung và ở doanh nghiệp thương mại nói riêng có đặc điểm sau:

- Có sự trao đổi thỏa thuận giữa người mua và người bán, người bán đồng ý bán, người mua đồng ý mua, họ trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền.

- Có sự thay đổi quyền sở hữu về hàng hóa: người bán mất quyền sở hữu, người mua có quyền sở hữu hàng hóa đã mua bán. Trong quá trình tiêu thụ hàng hóa, các doanh nghiệp cung cấp cho doanh nghiệp một khối lượng hàng hóa và nhận

lại của khách hàng một khoản gọi là doanh thu bán hàng. Số doanh thu này là cơ sở để doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh của mình.

1.1.4.2. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp thương mại.

Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa doanh nghiệp sử dụng rất linh hoạt các phương thức bán hàng. Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng các tài khoản kế toán, phản ánh tình hình xuất kho hàng hóa. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và ghi nhận doanh thu, tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Các phương thức bán hàng mà các doanh nghiệp áp dụng bao gồm:

Phương thức bán hàng trực tiếp:

Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội tụ đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện đã ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

Phương thức bán hàng gửi đại lý:

Theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán hàng và phải thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp, và được hưởng hoa hồng đại lý bán. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định là tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã bán được, doanh nghiệp khi đó mới mất quyền sở hữu về số hàng này.

Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu tiên để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

Phương thức tiêu thụ nội bộ:

Là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, tập đoàn...

Phương thức hàng đổi hàng:

Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà công ty đang có nhu cầu. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

1.1.5. Các phương thức thanh toán.

Có rất nhiều phương thức thanh toán, nhưng phương thức phổ biến nhất vẫn là: thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng.

- ***Phương thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt:***

Là phương thức thanh toán sau khi nhận được hàng hóa, người mua sẽ tiến hành thanh toán trực tiếp cho người bán bằng tiền mặt. Phương thức này thường được áp dụng cho những hợp đồng kinh tế có giá trị nhỏ, khoảng cách địa lý gần...

- ***Phương thức thanh toán qua ngân hàng:***

Đối với những hợp đồng kinh tế có giá trị lớn, khoảng cách địa lý xa... thì sẽ sử dụng phương thức thanh toán thông qua ngân hàng như: thanh toán bằng séc, thanh toán bằng ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...

1.2. NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng: là tổng giá trị thực hiện được do việc bán hàng hóa cho khách hàng mang lại.

➤ **Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

Doanh thu bán hàng hóa chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán(giá bán đã bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế VAT (doanh nghiệp nộp thuế VAT theo phương pháp khấu trừ) thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ là đối tượng không thuộc diện chịu thuế VAT hoặc nộp thuế VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế).

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Khi doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Với trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá tiền trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

➤ **Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn bán hàng thông thường đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê sao của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...)
- Hợp đồng mua bán, biên bản bàn giao hàng hóa.
- Các chứng từ kế toán liên quan khác (Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán trả lại, hóa đơn vận chuyển...).

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng**

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ:

- Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, sản phẩm mua vào, bất động sản đầu tư...
- Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng theo một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán như: cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kết cấu của tài khoản 511:

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Các khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Các khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911 để “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2.

Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản 5112- Doanh thu bán thành phẩm

Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá

Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Tài khoản 5118- Doanh thu khác

Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ. Vì vậy tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

Kết cấu của tài khoản 512:

Bên nợ

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2.

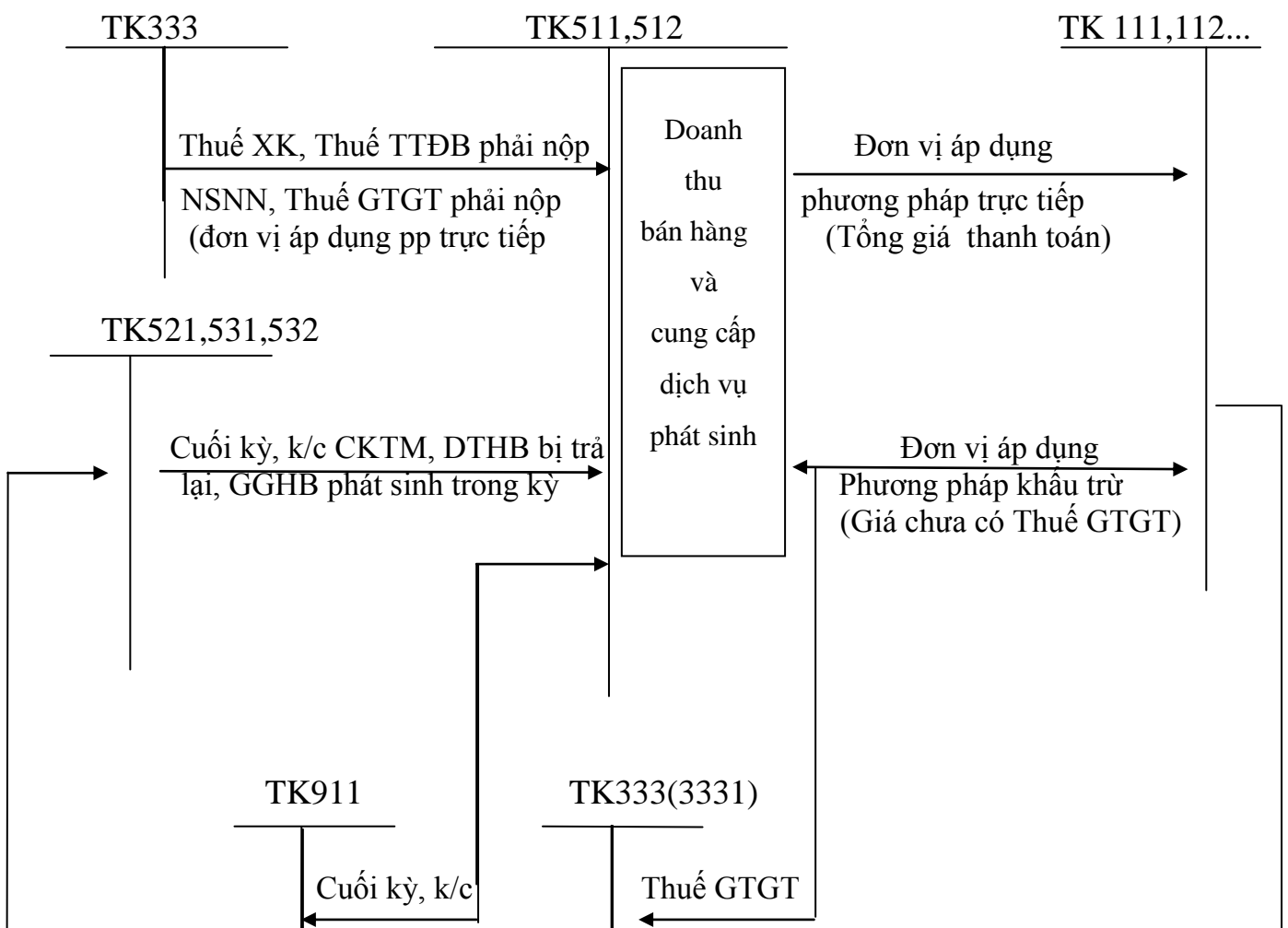
Tài khoản 5121- Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản 5122- Doanh thu bán các thành phẩm

Tài khoản 5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ

❖ Phương pháp hạch toán doanh thu theo các phương thức bán hàng:

Sơ đồ 1: Kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp

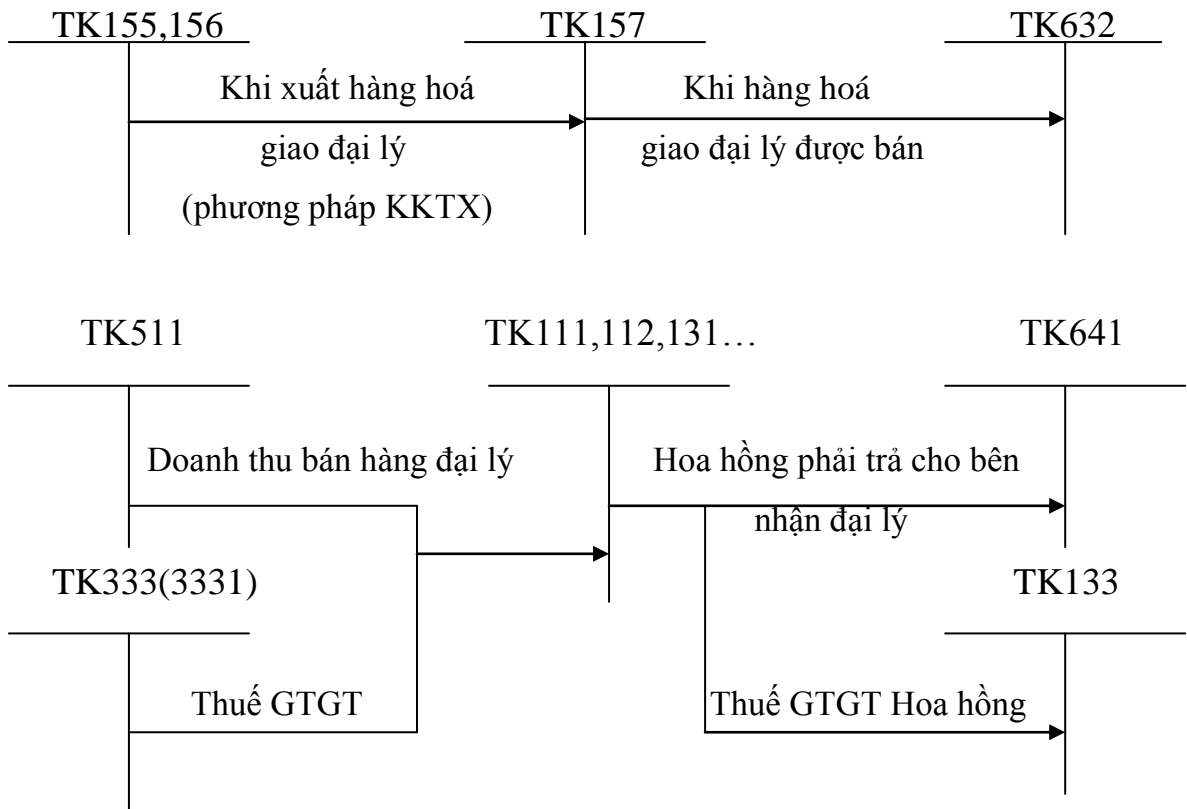


Doanh thu thuần → đầu ra

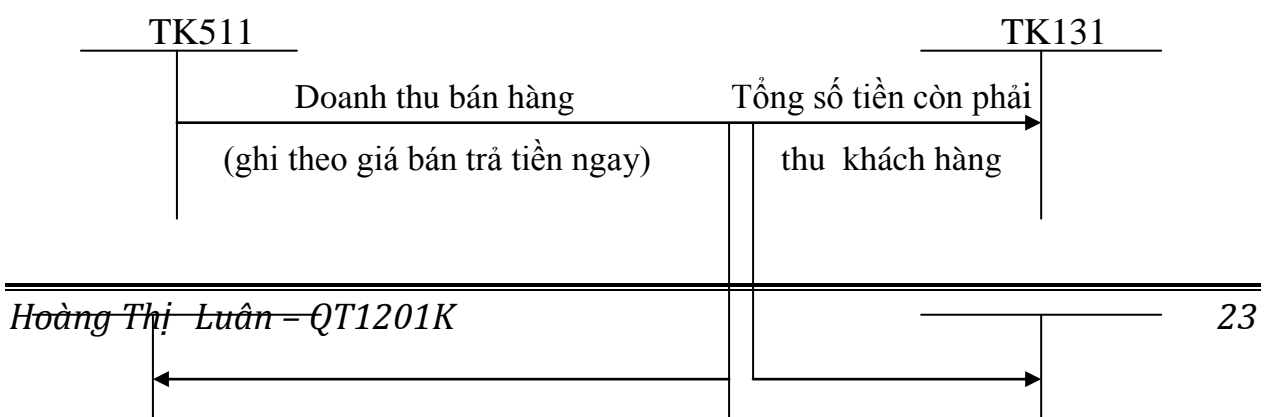
Chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán bị trả lại, hoặc giảm giá hàng bán

phát sinh trong kỳ

**Sơ đồ 2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý
(Theo phương thức bán đúng giá hoa hồng)**



Sơ đồ 3: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)



TK333(3331)

TK 111,112

Thuế GTGT đầu ra

Số tiền đã thu
của khách hàng

TK515

TK338(3387)

Định kỳ k/c doanh thu Lãi trả góp
Là tiền phải thu định kỳ trả chậm

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

➤ Chiết khấu thương mại: là khoản mà người bán thưởng cho người mua, do người mua đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn trong thời gian nhất định theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết về mua, bán hàng.

➤ Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp: hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng.

➤ Hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân sau: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại...

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, séc thanh toán...
- Các chứng từ có liên quan khác.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng.

Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại

Kết cấu của tài khoản 521:

Bên nợ:

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên có:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 5211 – Chiết khấu hàng hóa

Tài khoản 5212 – Chiết khấu thành phẩm

Tài khoản 5213 – Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531- Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (Tính đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các khoản chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”.

Kết cấu của Tài khoản 531:

Bên nợ:

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên có:

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 hoặc Tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán:

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (Giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

Kết cấu của tài khoản 532:

Bên nợ:

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có:

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 hoặc Tài khoản 512.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

Ngoài ra còn có các khoản giảm trừ doanh thu như:

+ **Thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332):** là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

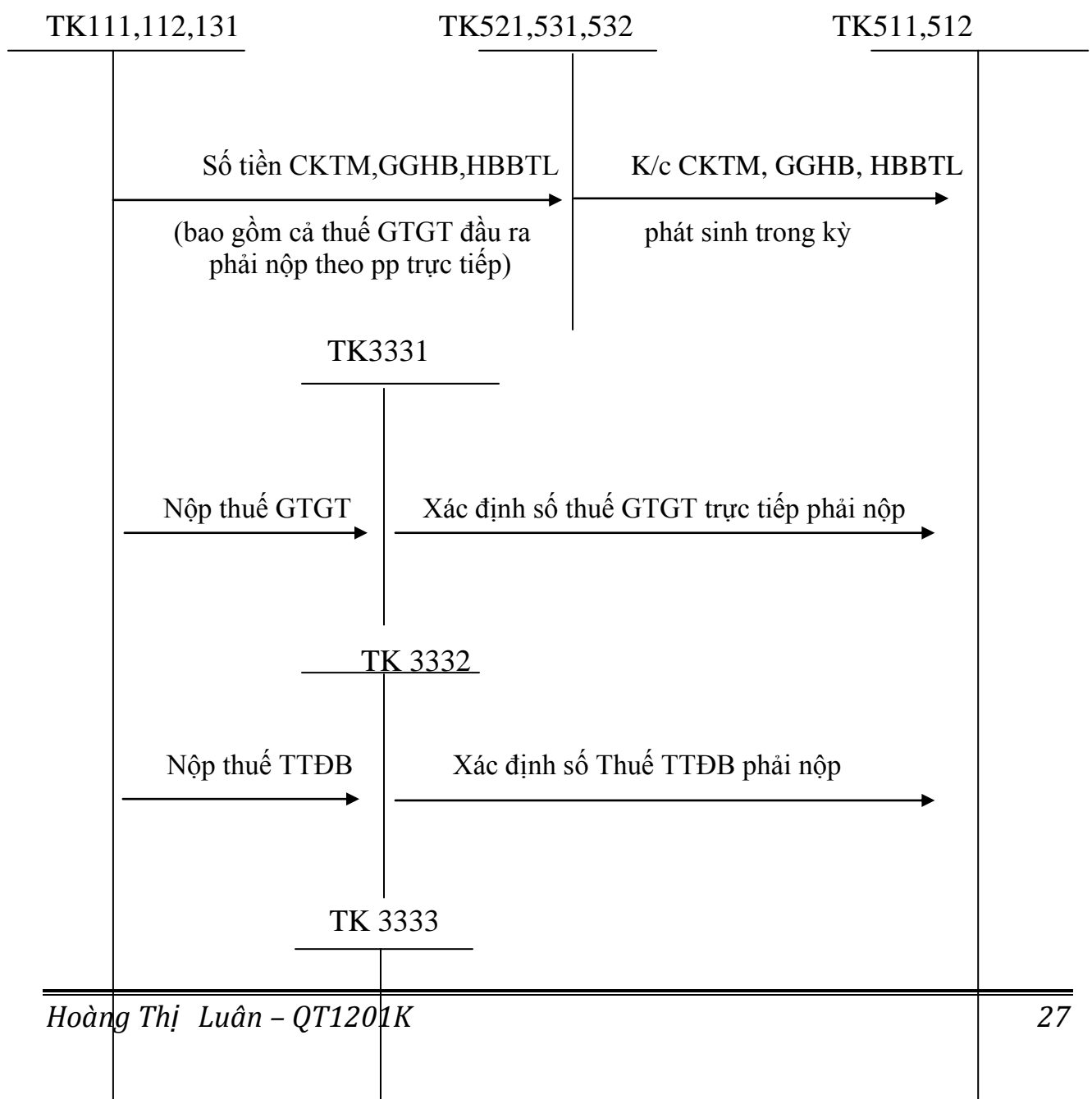
+ **Thuế xuất khẩu (TK 3333):** là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

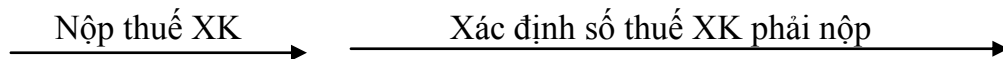
+ **Thuế GTGT của DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (TK3331):** là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

❖ Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 4: Sơ đồ kế toán tổng hợp các khoản giảm trừ doanh thu





1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất: trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

+ Đối với doanh nghiệp thương mại: trị giá vốn hàng bán xuất kho để bán bao gồm trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

❖ Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho:

1. Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

2. Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

3. Phương pháp bình quân gia quyền.

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế} = \text{Số lượng hàng} * \text{Đơn giá bình quân}$$

của hàng xuất kho

xuất kho

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

4. Phương pháp thực tế đích danh.

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ bao gồm trị giá mua hàng tiêu thụ trong kỳ và chi phí bán hàng được phân bổ cho từng mặt hàng tiêu thụ được xác định như sau:

$$\text{Phân bổ chi phí thu mua cho hàng tiêu thụ} = \frac{\text{Trị giá vốn của hàng bán ra trong kỳ}}{\text{Tổng trị giá hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ}} * \text{Tổng chi phí thu mua của hàng tồn kho đầu kỳ và phát sinh trong kỳ}$$

Vậy trị giá vốn của hàng tiêu thụ trong kỳ được xác định như sau:

$$\text{Trị giá vốn của hàng tiêu thụ trong kỳ} = \text{Trị giá mua hàng tiêu thụ trong kỳ} + \text{Chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ trong kỳ}$$

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, Hợp đồng kinh tế.

- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:** TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

Kết cấu của TK 632:

Bên nợ:

- Giá vốn hàng đã bán
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên có:

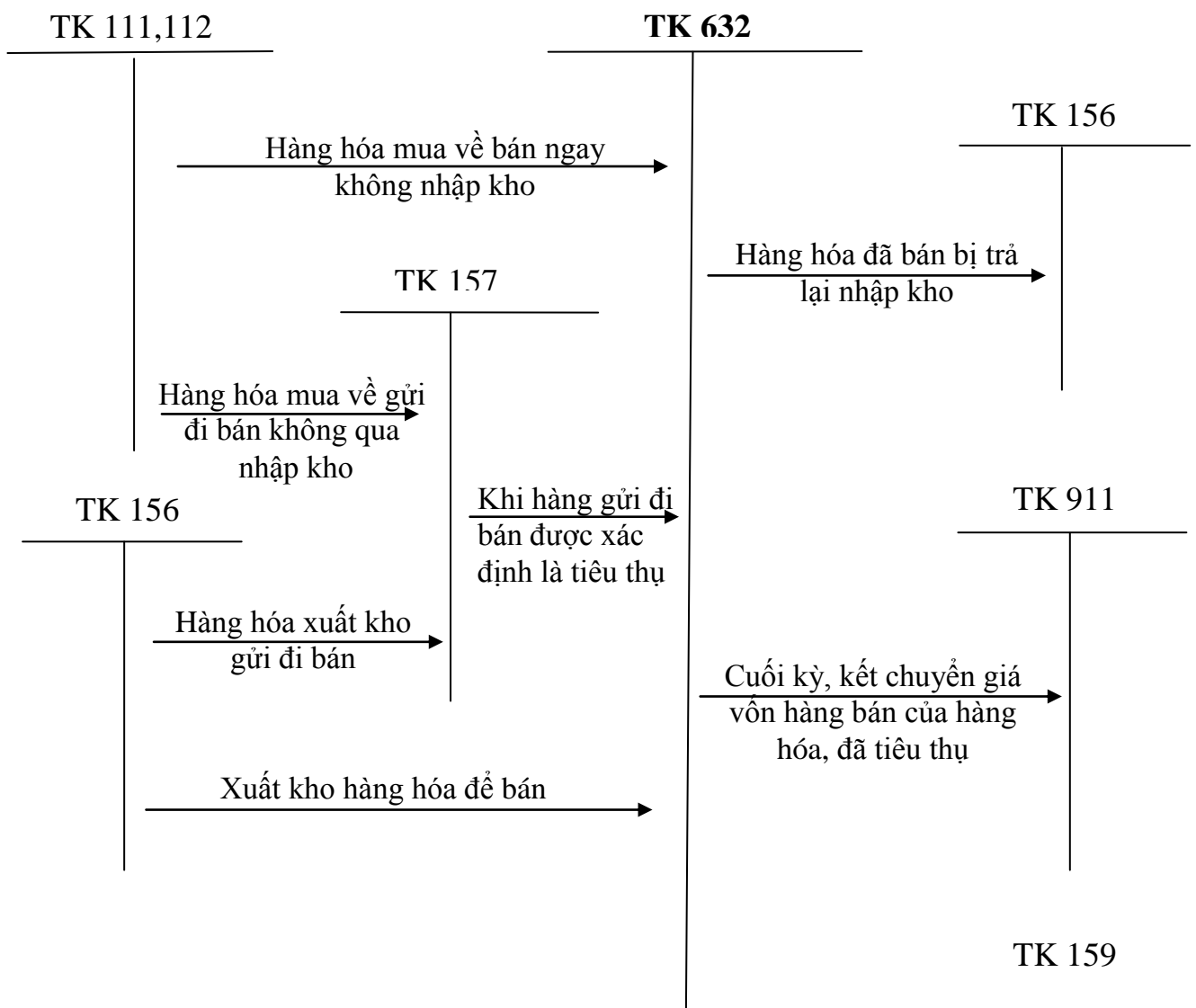
- Kết chuyển giá vốn của hàng gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

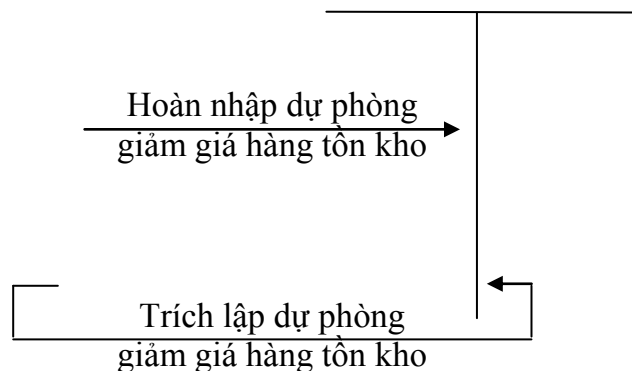
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, kế toán hàng tồn kho còn sử dụng các tài khoản khác liên quan như: TK 155, TK 156 và TK 611, TK 631 (đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

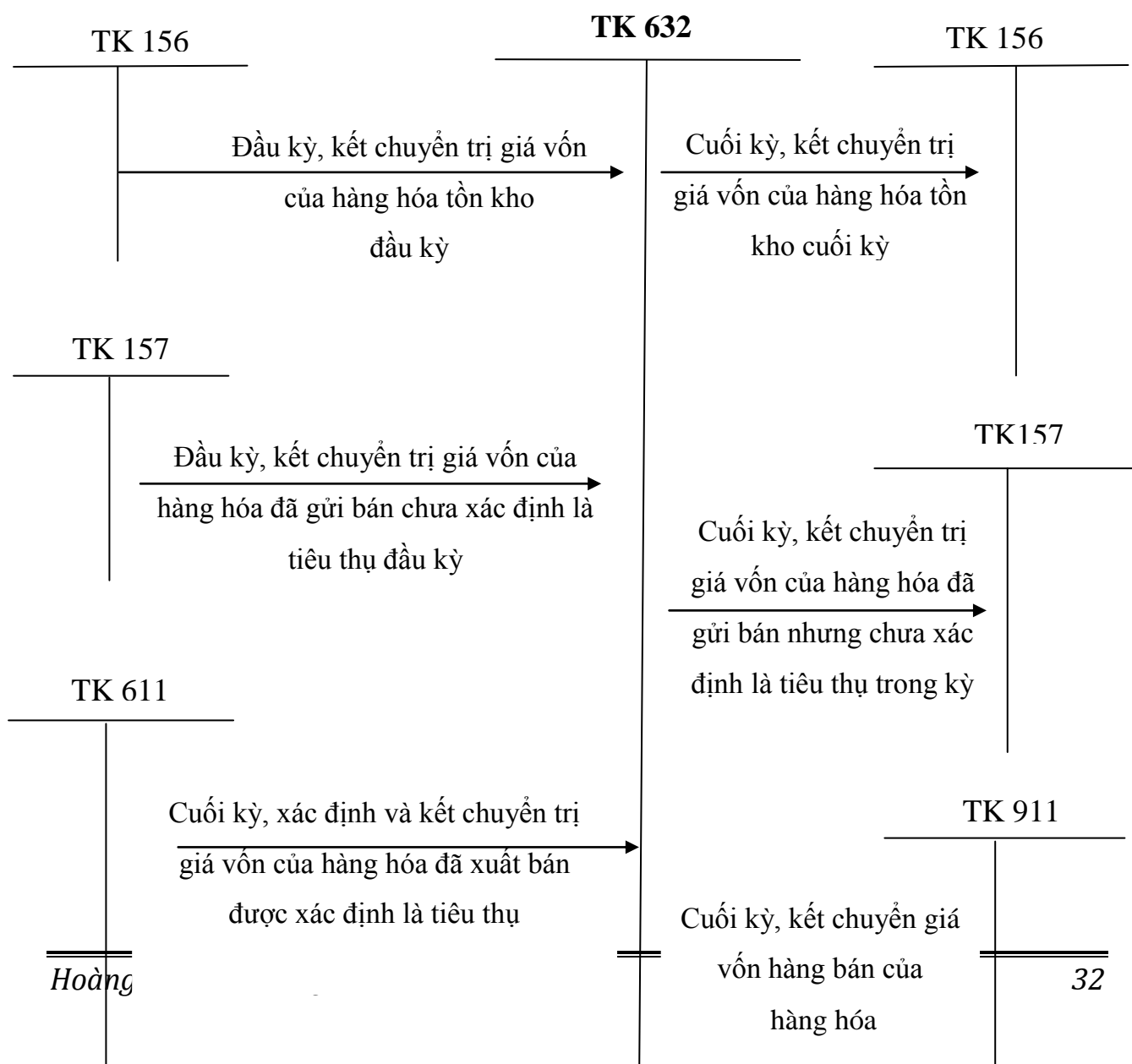
❖ **Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán:**

Sơ đồ 5: Kế toán giá vốn hàng bán
(Phương pháp kê khai thường xuyên)





Sơ đồ 6: Kế toán giá vốn hàng bán
(Phương pháp kiểm kê định kỳ)





1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Để phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá được thuận lợi, đạt được những mục tiêu danh lợi đã đặt ra, doanh nghiệp phải bỏ ra các chi phí để thực hiện công tác tiếp thị, quảng cáo, bao gói, chi phí bảo hànhgọi chung là chi phí bán hàng. Nói một cách cụ thể hơn chi phí bán hàng là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Chi phí bán hàng là chi phí thời kỳ nên khi phát sinh chi phí bán hàng trong kỳ phải tiến hành phân loại và tổng hợp theo quy định. Cuối kỳ hạch toán, chi phí bán hàng cần được phân bổ, kết chuyển để xác định kết quả sản xuất kinh doanh. Việc tính toán phân bổ và kết chuyển chi phí bán hàng được vận dụng tùy theo loại hình và điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT 3/001)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ kế toán liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng:

Doanh nghiệp sử dụng tài khoản TK 641 để hạch toán chi phí bán hàng.

Kết cấu của tài khoản 641

Bên nợ:

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên có:

Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 7 Tài khoản cấp 2:

TK 6411- Chi phí nhân viên

TK 6412- Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6413- Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6414- Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6415- Chi phí bảo hành

TK 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418- Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như: chi phí tiền lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, các khoản trích bảo hiểm theo lương, dịch vụ mua ngoài... Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

Doanh nghiệp sử dụng tài khoản TK 642 để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp. Kết cấu của TK642:

Bên nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên có:

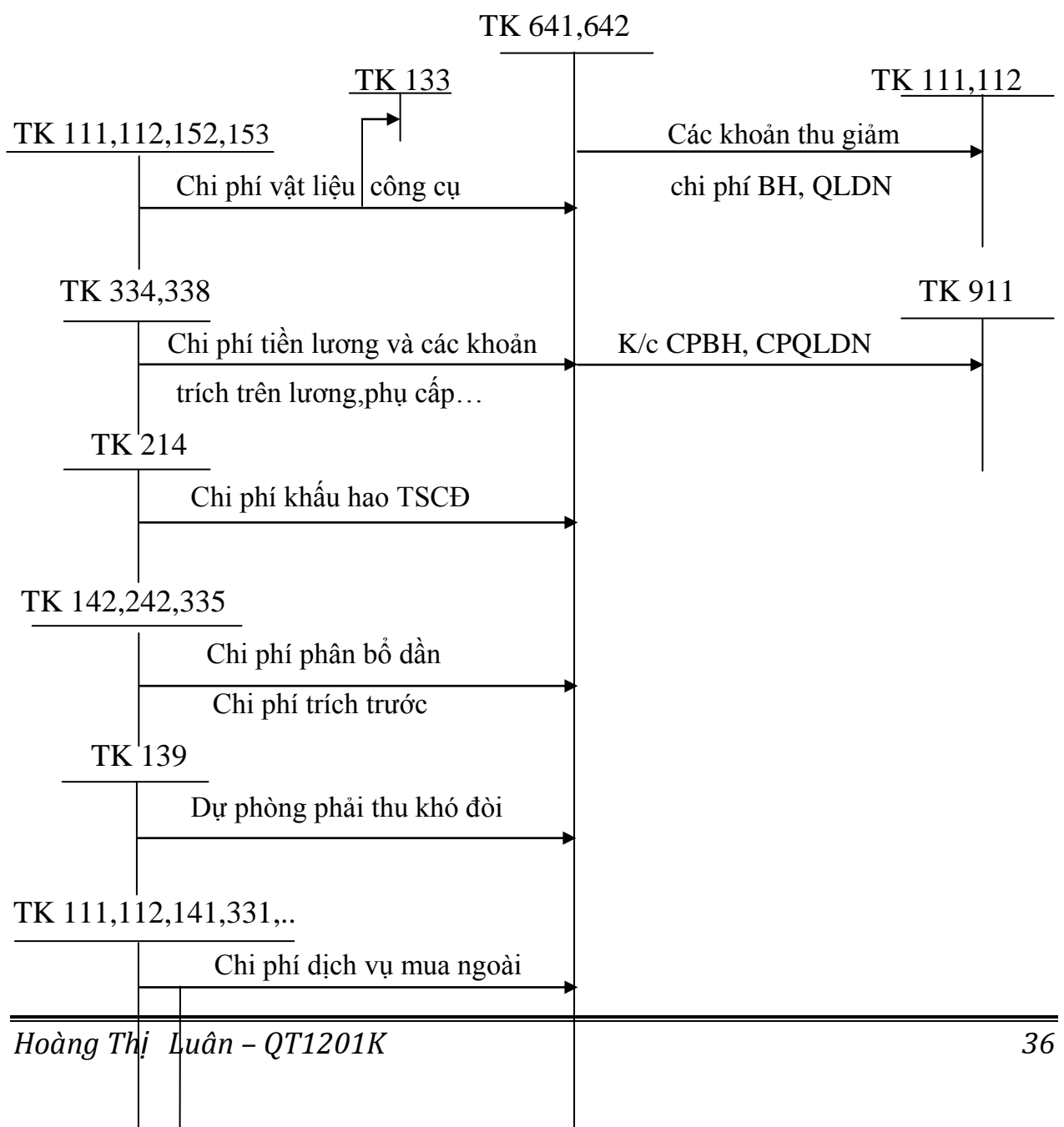
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

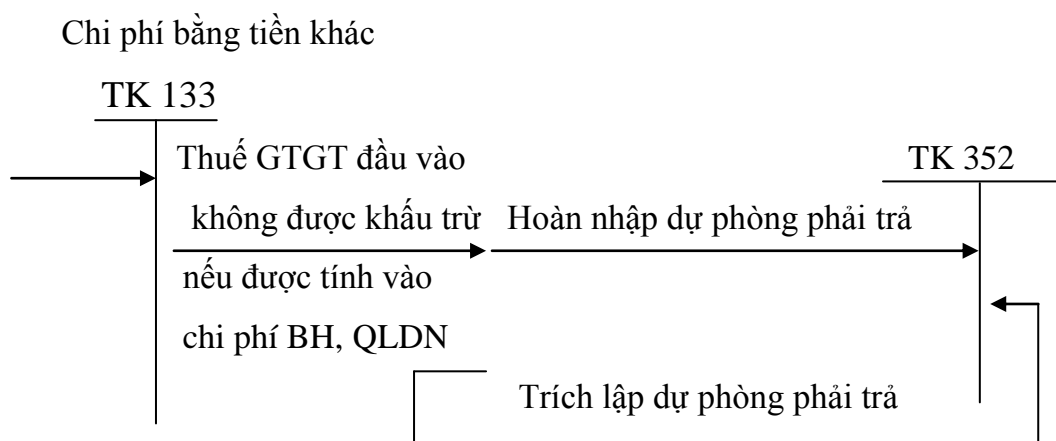
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421- chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422- chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423- chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424- chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425- Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426- chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427- chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428- chi phí bằng tiền khác

❖ Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Sơ đồ 7: Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp





1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

1.2.4.1. Kế toán doanh thu tài chính.

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ: tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, cổ tức lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán, chênh lệch do bán ngoại tệ...

❖ Các chứng từ kế toán

- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT).
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan khác.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

Doanh nghiệp sử dụng tài khoản TK 515 để hạch toán doanh thu từ hoạt động tài chính.

Kết cấu của TK515:

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp nếu có
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911.

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh của hoạt động kinh doanh, phát sinh khi bán ngoại tệ, do đánh giá lại các khoản mục có nguồn gốc ngoại tệ.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản(giai đoạn trước hoạt động).
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.2.Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính như: chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản phát sinh lỗ khi bán ngoại tệ...

❖ Chứng từ kế toán

- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

Doanh nghiệp sử dụng tài khoản TK 635 để hạch toán chi phí từ hoạt động tài chính.

Kết cấu của TK635:

Bên nợ:

- Chi phí tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Các khoản chi phí khác của hoạt động đầu tư tài chính

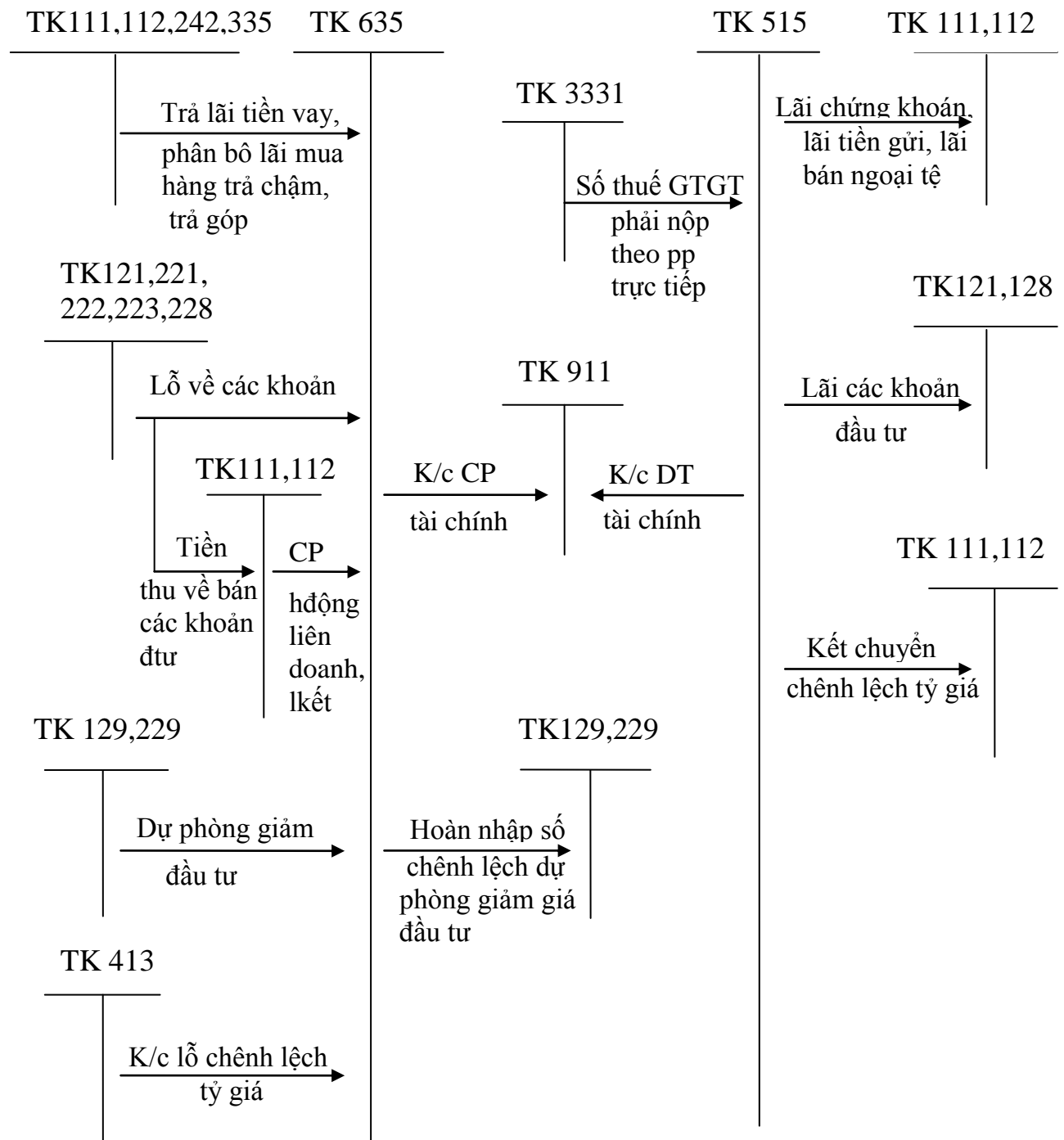
Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong

kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

❖ *Phương pháp hạch toán*

Sơ đồ 8: Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác.

1.2.5.1. Kế toán thu nhập từ hoạt động khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu nhập từ quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

❖ **Chứng từ kế toán**

- Phiếu thu (mẫu số 01 – TT)
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ có liên quan khác

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng**

Doanh nghiệp sử dụng tài khoản TK 711 để hạch toán doanh thu từ hoạt động khác.

Kết cấu của TK711:

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ như: thu nhập từ thanh lý nhượng bán, thanh lý TSCĐ...

Tài khoản 711 – “Thu nhập khác” không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.2. Kế toán chi phí từ hoạt động khác.

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, các khoản chi phí khác...

❖ **Các chứng từ kế toán**

- Phiếu chi (mẫu số 02 – TT)

- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ có liên quan khác

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng**

Doanh nghiệp sử dụng tài khoản TK 811 để hạch toán doanh thu từ hoạt động khác.

Kết cấu của TK 811:

Bên nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh

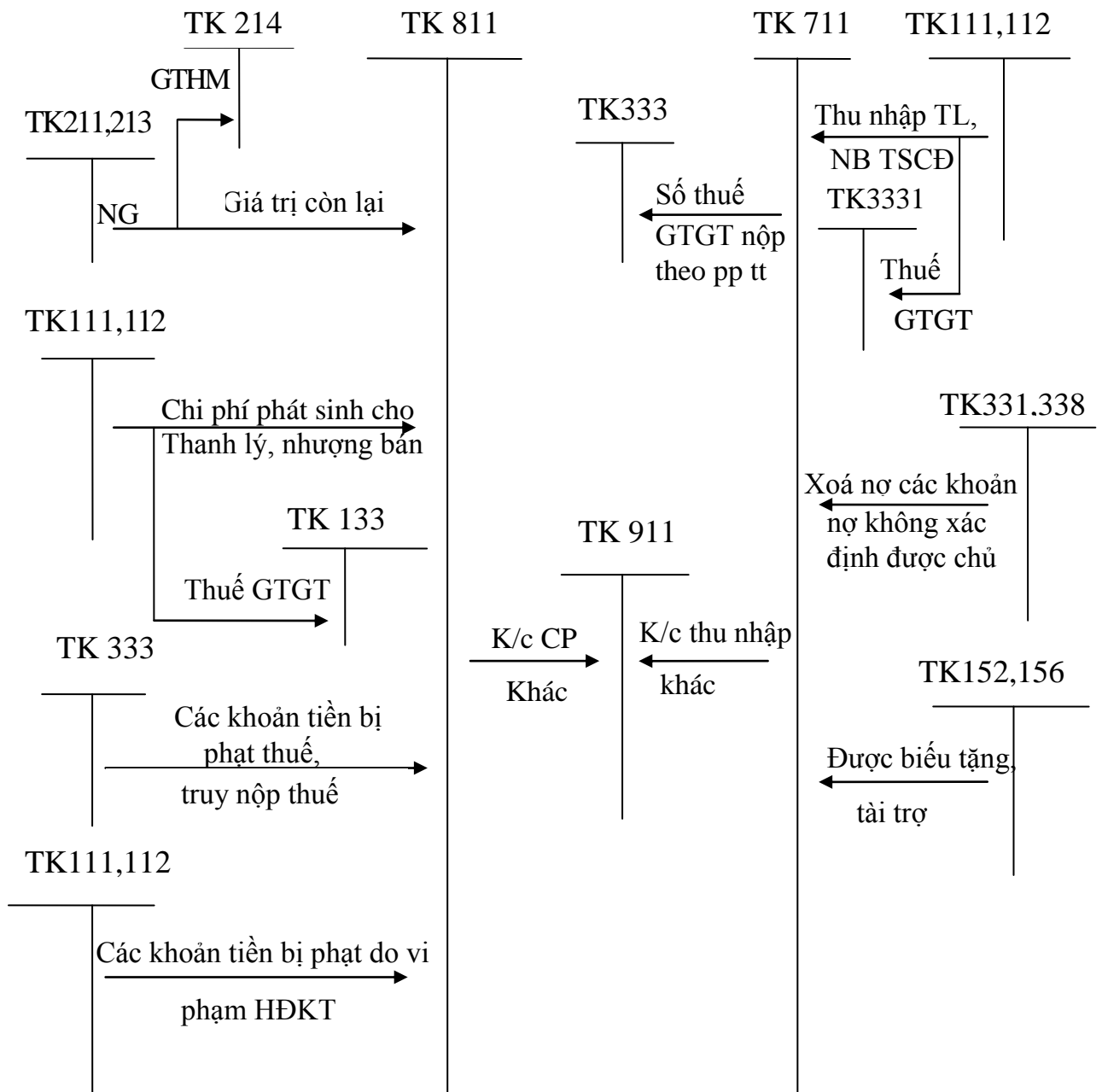
Bên có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 – “Chi phí khác” không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 9: Sơ đồ kế toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.6.Xác định kết quả kinh doanh

a, Phương pháp xác định

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

**/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh còn được gọi là số chênh lệch giữa Doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả} \\ \text{hoạt động} \\ \text{SXKD} \end{array} = \begin{array}{l} \text{DTT thuần} \\ \text{từ BH và} \\ \text{cung cấp DV} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần từ BH} \\ \text{và cung cấp DV} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng DT bán hàng và} \\ \text{cung cấp DV} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array}$$

**/ Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính.

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

**/ Kết quả hoạt động khác:*

Kết quả hoạt động khác được tính bằng số chênh lệch giữa Thu nhập khác và Chi phí khác.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Bên cạnh các chỉ tiêu trên, khi lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp còn phải xác định chỉ tiêu " Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế". Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận kế toán thực hiện trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp trước khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{kế toán} \\ \text{trước thuế} \\ \text{TNDN} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kết quả từ} \\ \text{hoạt động BH\&} \\ \text{CCDV} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả từ} \\ \text{hoạt động tài chính} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả từ} \\ \text{hoạt động khác} \end{array}$$

Chỉ tiêu " Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại sẽ tạo nên chỉ tiêu " Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp".

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau thuế} \\ \text{TNDN} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận trước thuế} \\ \text{TNDN} \end{array} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

b/ Kế toán tổng hợp:

- Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh - TK khoản này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kết cấu của TK911:

Bên nợ

- Trị giá vốn của hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập DN.
- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

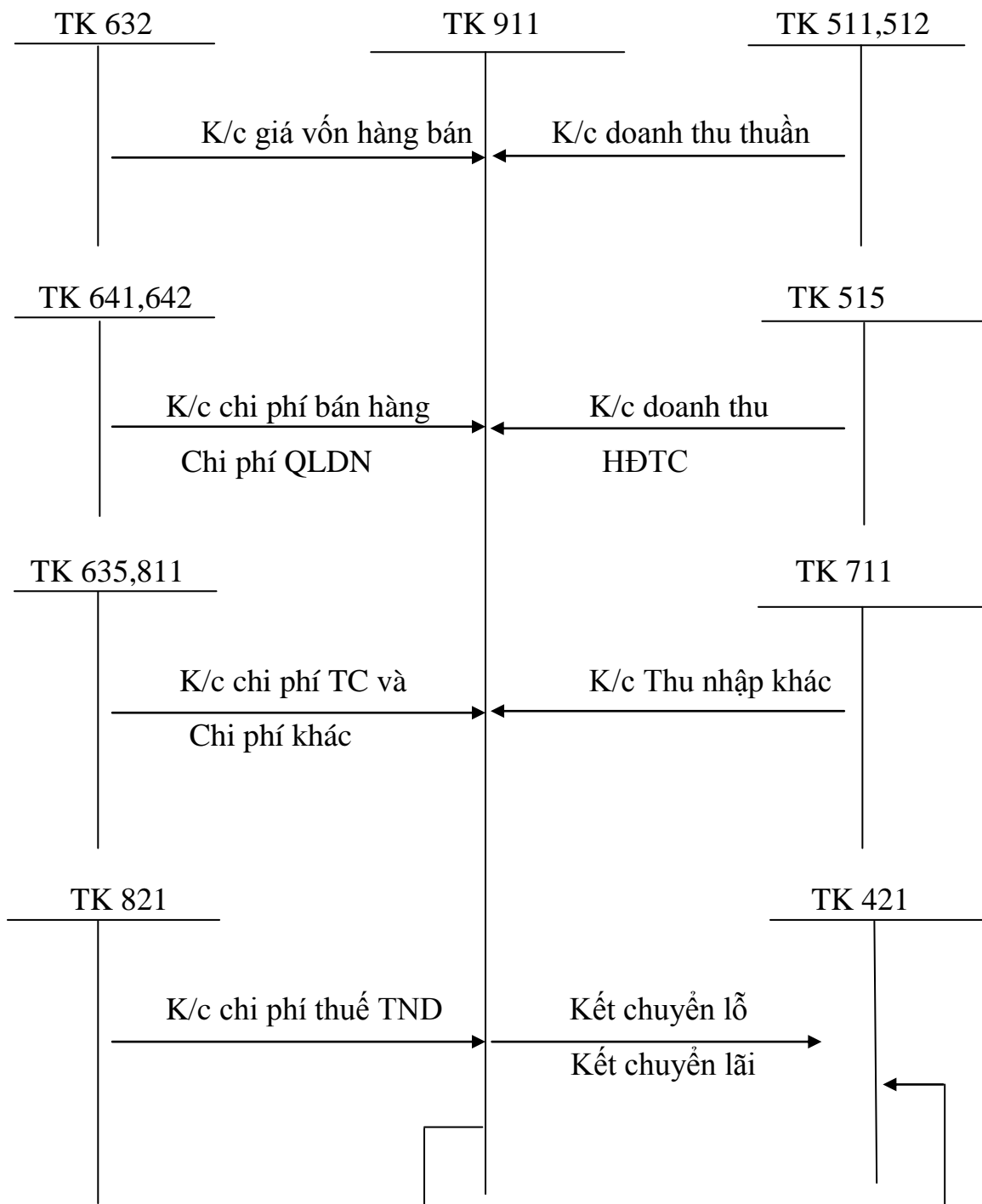
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư.

Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối - TK này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh cuối cùng và tình hình phương pháp xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 10: Sơ đồ kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN TÂN THẾ HUYNH

2.1.KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THẾ HUYNH.

2.1.1. Quá trình hình thành phát triển

Công ty cổ phần Tân Thế Huynh được thành lập ngày 24/12/2003 theo giấy phép kinh doanh số 0203000665 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt được kết quả nhất định và góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của toàn thành phố.

Tên giao dịch : Công ty cổ phần Tân Thế Huynh

Tên tiếng anh: TAN THE HUYNH JOINT STOCK COMPANY

Người đại diện : Mạc Như Xoang

Địa chỉ: Thôn Tiên Anh - Xã Ngũ Đoan - Huyện Kiến Thụy - TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200574957

Số điện thoại : 031.3881.594

Vốn điều lệ: 7.400.000.000

Fax : 031.3881.594

Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại xăng dầu

Địa chỉ : Thôn Tiên Anh ,Xã Ngũ Đoan, Huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng.

Công ty cổ phần Tân Thế Huynh là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Khởi đầu từ 3 cửa hàng xăng, dầu được đặt tại xã Ngũ Đoan, trung tâm Huyện Kiến Thụy và Quận Đồ Sơn. Do sự phát triển nền của nền kinh tế thị trường, nhu cầu tiêu dùng của dân chúng ngày càng tăng, ngày 01 tháng 01 năm 2009 công ty đã quyết định mở rộng sang địa bàn Kiến An thêm 2 cửa hàng xăng, dầu mới.

Trải qua hơn 8 năm hình thành và lớn mạnh, công ty cũng đã và đang đạt được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về mặt chất lượng cũng như quy mô. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình.

2.1.2.Đặc điểm sản xuất kinh doanh.

Công ty đã quyết định lựa chọn lĩnh vực kinh doanh thương mại xăng dầu nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người tiêu dùng trong hoạt động giao thông, nhà máy, xí nghiệp trong hoạt động sản xuất. Hoạt động kinh doanh trong vòng xoáy cạnh tranh của thị trường, đi kèm với những cơ hội là những thách thức của một sân chơi lớn mở ra cho các doanh nghiệp. Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh đã và đang xây dựng cho mình một chỗ đứng bền vững trong xu thế ấy. Hiện tại công ty có 5 cửa hàng bán xăng (xăng A92, xăng A95, xăng sinh học), dầu (dầu diesel, dầu hỏa) với các kênh phân phối sản phẩm bán lẻ cho người tiêu dùng và bán buôn (bán kí kết hợp đồng với các công ty, nhà máy, xí nghiệp).

Trải qua hơn 8 năm xây dựng và phát triển, công ty đã đạt được những kết quả nhất định trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Suốt thời gian đó, bên cạnh những thuận lợi công ty cũng gặp không ít những khó khăn.

***Thuận lợi :**

Cùng với sự nghiệp công nghiệp hóa hiện hóa của đất nước, huyện Kiến Thụy đã và đang phát triển hòa nhập cùng dòng chảy ấy với nhiều xí nghiệp, công ty ra đời đáp ứng nhu cầu thị trường. Không chỉ cung cấp xăng, dầu để đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân mà công ty còn phục vụ cho các xí nghiệp, nhà máy, công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của họ.

Với vị trí địa lý thuận lợi nằm trên địa bàn huyện Kiến Thụy giáp với Quận Kiến An và Khu du lịch Đồ Sơn là giao điểm giữa các xã, góp phần không nhỏ trong quá trình phân phối và tiêu thụ sản phẩm của công ty.

Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý và tuyển dụng đào tạo, đội ngũ lao động có trình độ, chuyên môn, tay nghề. Ban lãnh đạo công ty giàu kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của cán bộ công nhân viên.

Doanh nghiệp đã khai thác, tận dụng lợi thế của mình để tăng nguồn vốn của mình. Doanh nghiệp luôn gương mẫu và ưu tiên hàng đầu trong việc nộp các khoản thuế, phí, lệ phí cho Ngân sách Nhà nước và thu nhập ổn định cho cán bộ, công nhân viên.

*** Khó khăn :**

Bên cạnh những thuận lợi trên, công ty cũng gặp không ít những khó khăn. Là một công ty mới thành lập, lại trên địa bàn có rất nhiều doanh nghiệp cùng kinh doanh trong lĩnh vực này, do đó đối thủ cạnh tranh tương đối lớn đòi hỏi doanh nghiệp cần làm tốt công tác thị trường và dịch vụ chăm sóc khách hàng để thu hút khách hàng.

Xăng dầu tiêu dùng trong nước hiện nay chủ yếu phải nhập khẩu, giá trong nước phụ thuộc vào sự biến động của giá thị trường thế giới. Hiện nay do sự bất ổn về chính trị ở các nước Trung Đông và Bắc Phi đã làm cho giá xăng dầu trên thế giới biến động mạnh và thị trường xăng dầu ở Việt nam phải có hướng điều chỉnh thích hợp. Điều này không chỉ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà máy, xí nghiệp mà còn ảnh hưởng đến đời sống của đông đảo người dân. Đây là khó khăn rất lớn mà công ty đang phải đối mặt.

Hiện nay tình trạng xăng, dầu không đảm bảo chất lượng xảy ra ở nhiều nơi, điều này không những làm ảnh hưởng lớn đến niềm tin của người dân, mà còn ảnh hưởng đến uy tín của công ty.

Trong giai đoạn hiện nay, ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên công ty luôn cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Sau đây là báo cáo kết quả kinh doanh của công ty qua các năm :

Tình hình sản xuất kinh doanh và thu nhập bình quân những năm gần đây của công ty

Đơn vị tính: Đồng

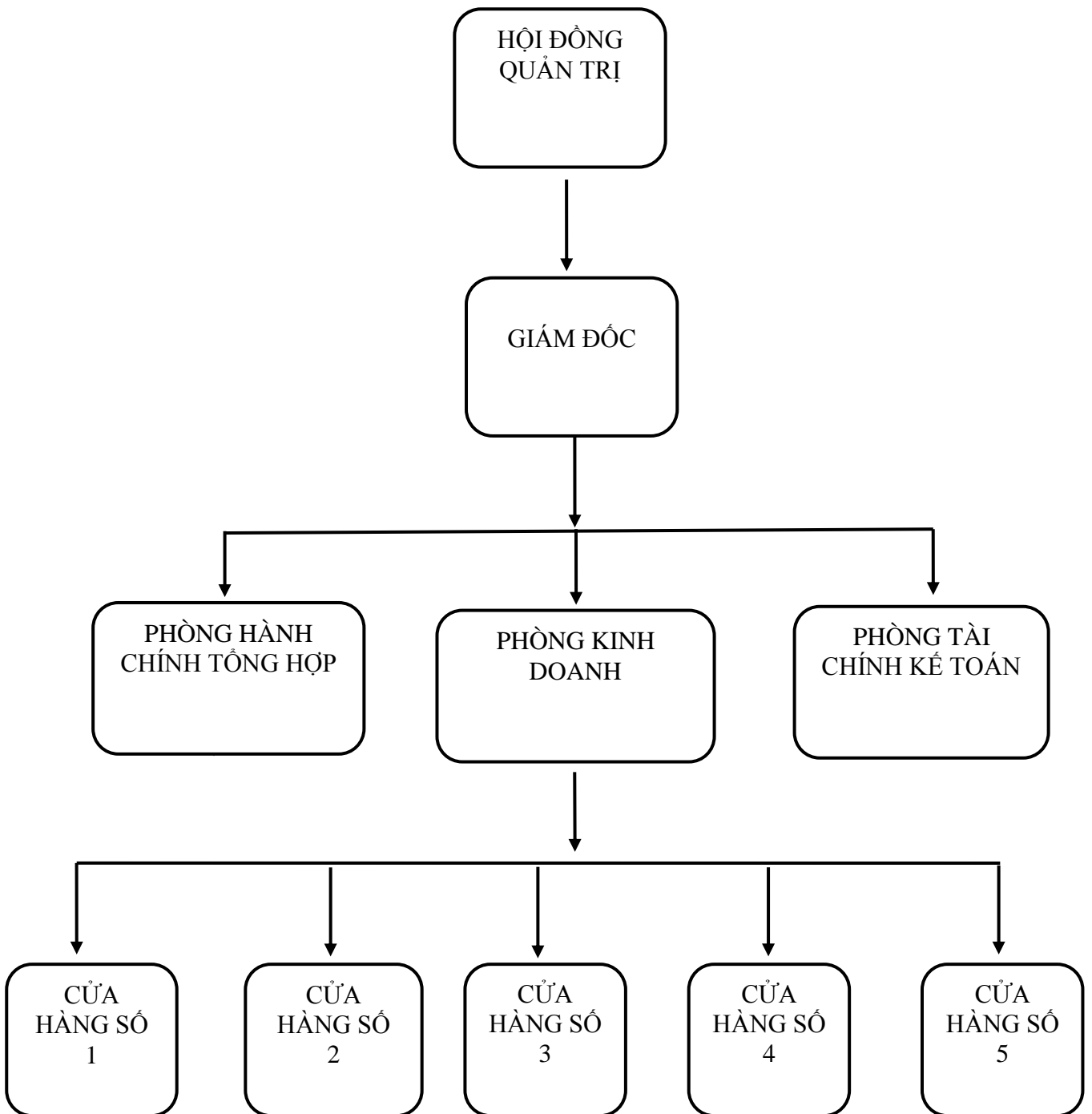
| Chi tiêu | Năm 2009 | Năm 2010 | | | Năm 2011 | | |
|------------------------------|----------------|----------------|-------------------------|-------|----------------|-------------------------|-------|
| | | Giá trị | Chênh lệch với năm 2009 | | Giá trị | Chênh lệch với năm 2010 | |
| | | | +/- | % | | +/- | % |
| Doanh thu | 45.689.706.158 | 52.478.954.236 | 6.478.954.236 | 14,86 | 50.768.270.955 | -1.710.683.281 | -3,26 |
| Lợi nhuận sau thuế | 239.790.201 | 285.628.032 | 45.837.831 | 19,12 | 266.443.690 | -19.184.342 | -6,72 |
| Nộp ngân sách (thuế TNDN) | 79.930.067 | 95.209.344 | 15.279.277 | 19,12 | 88.841.550 | - 6.394.794 | -6,72 |
| Thu nhập bình quân đầu người | 2.500.000 | 2.700.000 | 200.000 | 8,00 | 3.000.000 | 300.000 | 11,11 |

Nhìn vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty ta thấy: Doanh thu năm 2010 so với Doanh thu năm 2009 tăng 6.478.954.236 đồng tương ứng 14,86%, tuy nhiên Doanh thu năm 2011 so với Doanh thu năm 2010 giảm 1.710.683.281 đồng tương ứng 3,26%. Từ đó kéo theo Lợi nhuận của Doanh nghiệp năm 2010 so với lợi nhuận năm 2009 tăng 45.837.831 đồng tương ứng 19,12 %, và Lợi nhuận của Doanh nghiệp năm 2011 so với lợi nhuận năm 2010 giảm 19.184.342 đồng tương ứng 6,72 %. Điều này chứng tỏ sự nỗ lực cố gắng không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên trước sự khủng hoảng của nền kinh tế Việt Nam nói riêng và Thế giới nói chung. Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, tuy nhiên, công ty vẫn cố gắng tăng lương bảo đảm nhằm đời sống cho cán bộ nhân viên.

2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp. Đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần

Tân Thế Huynh

*Căn cứ vào quy trình tình hình thực tế của công ty cổ phần Tân Thế Huynh tổ chức bộ máy kinh doanh gồm có :

- Hội đồng quản trị: Có thẩm quyền quyết định cao nhất trong công ty, đóng vai trò quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện những quyền và nghĩa vụ của công ty .

- Giám đốc: có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động của công ty, đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật.

- Phòng hành chính tổng hợp: quản lý, tuyển chọn cán bộ công nhân viên có năng lực, tay nghề. Bảo quản lưu trữ con dấu, giấy tờ và công văn của công ty, cung cấp các thiết bị văn phòng, chịu trách nhiệm đối nội, đối ngoại.

- Phòng Tài chính- kế toán: có trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin kế toán, tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo tài chính. Đồng thời còn tham mưu đặc lực cho giám đốc thông qua tình hình tài chính.

- Phòng kinh doanh: làm tham mưu cho giám đốc thiết lập các kế hoạch về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng phương án kinh doanh, soạn thảo hợp đồng kinh tế.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty.

2.1.4.1. Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty.

Công ty cổ phần Tân Thế Huynh tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, theo mô hình này doanh nghiệp chỉ có một phòng kế toán duy nhất, mọi công việc kế toán đều được thực hiện tại đây.

*Phòng kế toán công ty bao gồm:

- Kế toán trưởng : Tổ chức điều hành công việc chung của phòng kế toán, Đồng thời làm công việc của kế toán tổng hợp, theo dõi toàn bộ sổ cái, sổ nhật ký chung, tính lương, tính các khoản nộp ngân sách nhà nước. Sau đó lập báo cáo tài chính và trực tiếp báo cáo các thông tin kinh tế với nhà nước và các cơ quan chức năng, tham mưu cho giám đốc về tình hình tài chính của công ty.

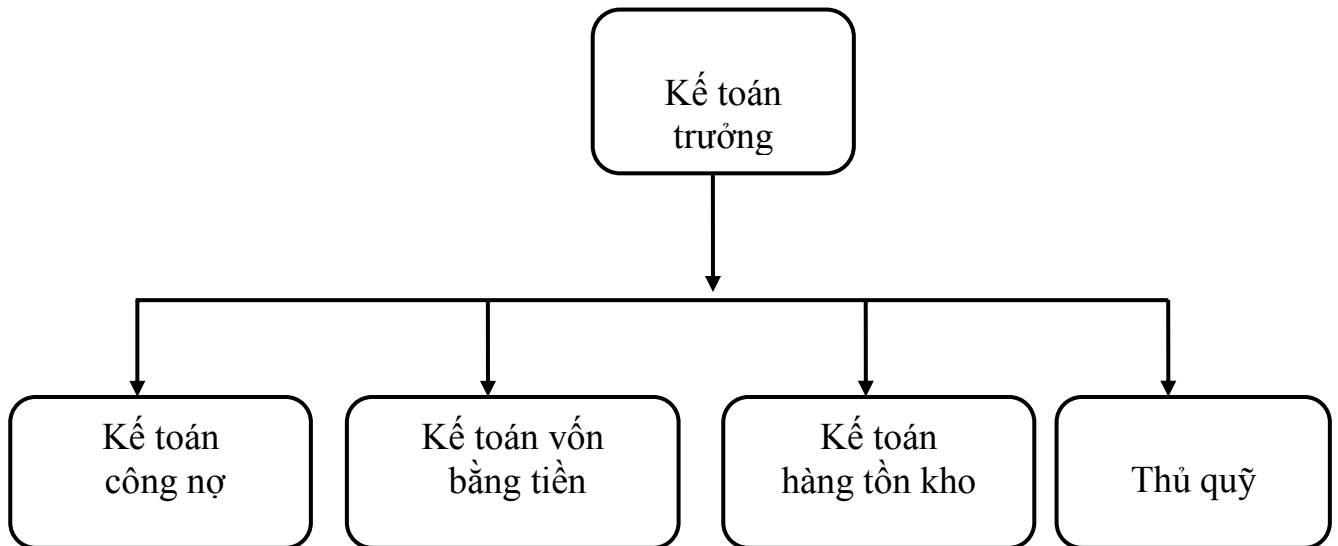
- Kế toán công nợ: theo dõi thanh toán thu chi, công nợ và các thủ tục thanh toán trong công ty.

- Kế toán vốn bằng tiền : theo dõi sự biến động về tình hình tăng giảm tiền mặt trong quỹ và tiền gửi ngân hàng. Tính toán chính xác, kịp thời vốn bằng tiền để cung cấp thông tin cho nhà quản lý để đưa ra những quyết định cần thiết.

- Kế toán hàng tồn kho: theo dõi và tập hợp hàng hóa phát sinh trong quá trình bán hàng và mua hàng, và lập báo cáo về tình hình nhập xuất hàng hóa.....

- Thủ quỹ: phụ trách quản lý tài chính, theo dõi thu chi tiền mặt và bảo quản tiền mặt trong công ty.

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.1.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán Công ty cổ phần

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán

➤ **Chế độ kế toán áp dụng**

1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
3. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính

4. Hình thức sổ kế toán áp dụng: **Sổ nhật kí chung**

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hoá.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

6. Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

7. Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

8. Kỳ lập báo cáo theo quý, năm.

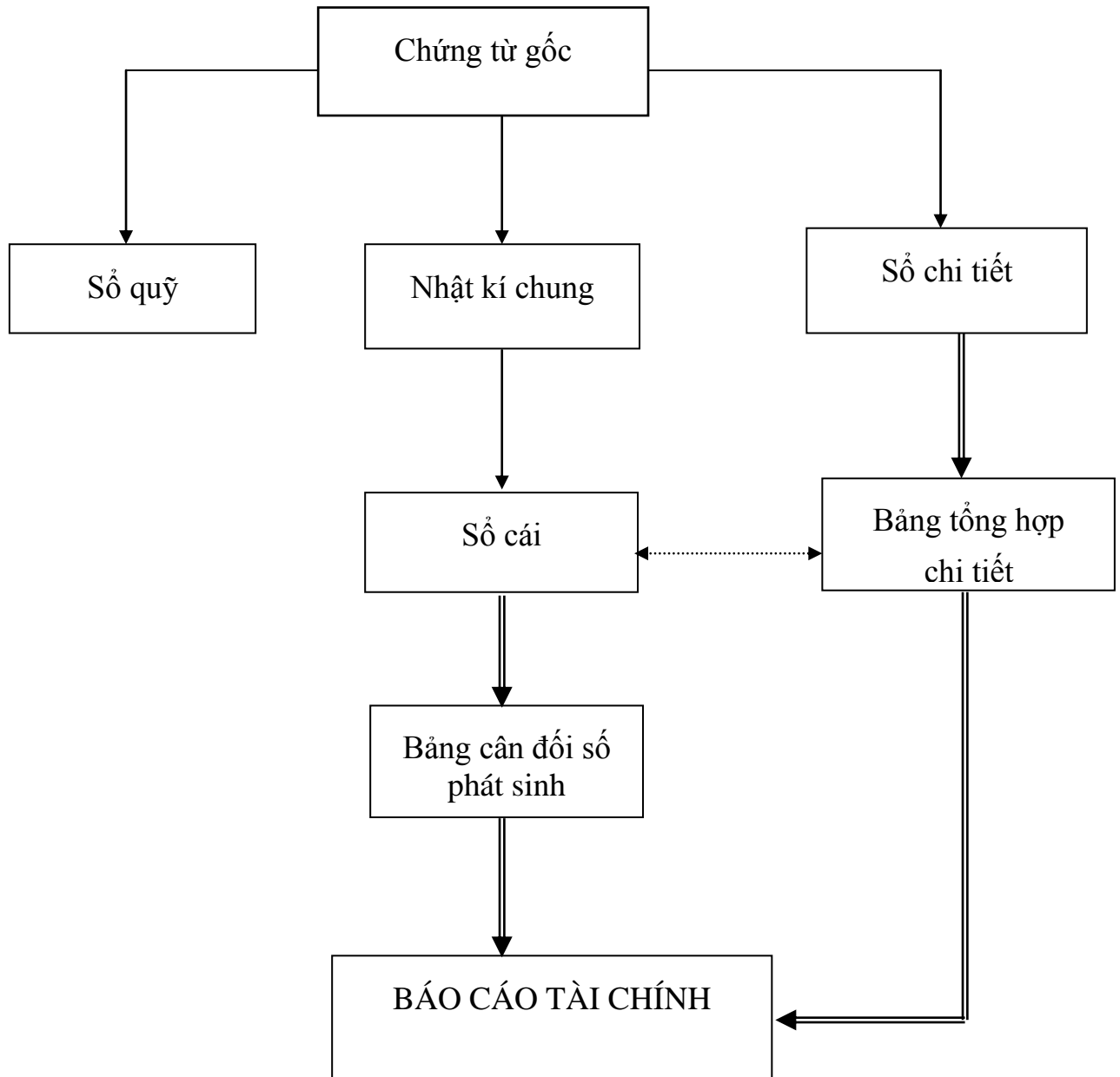
➤ **Hình thức sổ kế toán.**

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật kí chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật kí chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật kí, mà trọng tâm là sổ nhật kí chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm :

- Sổ Nhật kí chung
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty thể hiện theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kì (cuối tháng, cuối quý, cuối năm)
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.1.3. Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu ghi trên nhật ký chung, kế toán phản ánh các số liệu đó vào sổ cái tài khoản có liên quan.

- Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết tài khoản.

- Cuối kỳ (Cuối tháng, cuối quý, cuối năm), tổng hợp số liệu từ Sổ chi tiết làm căn cứ lập Sổ tổng hợp chi tiết.

+ Cũng tại thời điểm đó, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

+ Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết.

+Sau đó, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết để lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán theo hình thức Nhật ký chung đó là: tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

➤ **Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính.**

Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)

Kỳ lập Báo cáo tài chính là quý, năm, ngoài ra công ty còn lập các báo cáo khác như: Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo thuế...

2.2.THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY.

Công ty cổ phần Tân Thế Huynh là một công ty thương mại cung cấp các sản phẩm dịch vụ nên công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm. Không chỉ là mục tiêu lợi nhuận mà quan trọng là chất lượng và khả năng cung cấp dịch vụ, đáp ứng nhu cầu kinh tế của doanh nghiệp. Hơn nữa, quá trình này phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, là cơ sở để xác định nguồn tài chính cho những chiến lược mang tính tài chính của công ty.

2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần Tân Thế Huynh.

2.2.1.1.Đặc điểm của sản phẩm và phương thức bán hàng.

➤ **Đặc điểm sản phẩm:**

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng, dầu nên hàng hóa của công ty bao gồm: Xăng A92, Xăng A95, Xăng E5 (Xăng sinh học), Dầu diesel, Dầu hỏa

+ Xăng A92: có màu xanh, chiết xuất từ dầu mỏ, là hợp chất của cacbon và hydro, có chỉ số Octan = 92, dạng lỏng, rất nhẹ, dễ hóa thành hơi, thường được sử dụng cho các động cơ xe máy có tỷ số nén từ 7:1 đến 10:1.

+ Xăng A95: có màu vàng, là hợp chất của cacbon và hydro, dạng lỏng, rất nhẹ, dễ hóa hơi, thường sử dụng cho các động cơ xe máy có tỷ số nén từ 9:1 đến 11:1.

+ Xăng E5:là loại xăng có lợi cho môi trường và được khuyến khích tiêu dùng

+Dầu diesel: là sản phẩm tinh chế từ dầu mỏ có thành phần chung cất nằm giữa dầu hỏa (kesosene) và dầu bôi trơn (lubricating oil), dạng lỏng, nhiệt độ bốc hơi từ 175 đến 370 độ C, là một loại nhiên liệu thường được sử dụng cho các động cơ xe ô-tô.

+ Dầu hỏa: là một chất lỏng sánh ngả màu nâu hoặc màu lục, thường được dùng làm chất đốt trong sinh hoạt gia đình.

Công ty có hai phương thức bán hàng: bán lẻ cho người tiêu dùng và bán buôn (kí kết hợp đồng với các xí nghiệp, công ty).

* Công ty có đối tác cung cấp hàng hóa như:

- + Công ty cổ phần thương mại Gia Trang.
- + Công ty cổ phần Đông Á.
- + Công ty Xăng dầu Petrolimex khu vực III
- +...

➤ **Phương thức bán hàng**

Với đặc điểm ngành nghề kinh doanh của công ty có 2 phương thức tiêu thụ hàng hoá như sau:

* **Bán buôn**

Thông qua việc ký kết các hợp đồng kinh tế và các đơn đặt hàng công ty lập kế hoạch bán hàng hoá tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tiêu thụ và kết quả kinh doanh của đơn vị mình .

Phương thức bán buôn chủ yếu mà công ty đang áp dụng bao gồm:

- + Bán buôn trực tiếp qua kho của công ty
- + Bán buôn không qua kho (vận chuyển thẳng) có tham gia thanh toán
- * Bán buôn trực tiếp qua kho của công ty

Kho của công ty đặt tại các cửa hàng, mỗi một cửa hàng là một kho khác nhau. Khi phát sinh nghiệp vụ này, nhân viên bán hàng thông báo lên bộ phận kế toán của công ty, kế toán viết hoá đơn GTGT gồm 3 liên và xuất hàng tại kho, và lập phiếu xuất kho rồi giao cho thủ kho để thực hiện xuất hàng tại kho, và ngày giao hàng theo như đơn đặt hàng đã ký. Khi giao xong, cuối ngày thủ kho nộp bản kê xuất hàng, cùng giấy đề nghị mua hàng của bên mua lên cho phòng kế toán.

* Bán buôn không qua kho của công ty.

Để tiết kiệm chi phí bốc dỡ và chi phí vận chuyển, công ty vận dụng điều

thẳng hàng hoá đi đến nơi bán buôn, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký của các đại lý, công ty và đơn đặt hàng, kế toán bán hàng của công ty lập hoá đơn GTGT gồm 3 liên và giao hàng trực tiếp không qua kho.

* **Bán lẻ:** Việc bán lẻ của công ty được thực hiện tại các cửa hàng.

- Trụ sở Công ty
- Trung tâm Huyện Kiến Thụy
- Quận Kiến An
- Quận Đồ Sơn

Công ty có 5 cửa hàng bán lẻ rất tốt. Doanh số của các cửa hàng này chiếm một phần không nhỏ trong doanh số bán hàng của toàn công ty, đặc biệt việc hạch toán của cửa hàng bán lẻ đều là thanh toán tiền ngay. Vì vậy nó góp phần cho công ty không bị ứ đọng vốn, thu được lượng tiền mặt rất lớn.

Tại các cửa hàng bán lẻ, cuối ngày nhân viên bán hàng tập hợp số lượng hàng bán lẻ trong ngày lập báo cáo bán lẻ. Sau đó sẽ chuyển cho thủ kho để đối chiếu số lượng xuất ra trong ngày, đồng thời chuyển lên bộ phận kế toán của công ty. Căn cứ vào chứng từ được gửi lên kế toán tiến hành viết phiếu xuất kho, hoá đơn giá trị gia tăng bán cho khách lẻ, phiếu thu...

2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng
- Hợp đồng mua hàng...

Quy trình ghi sổ kế toán

Căn cứ theo yêu cầu của khách hàng gửi công ty, phòng kinh doanh xem xét, nghiên cứu phía đối tác sau đó trình lên ban giám đốc. Nếu đơn hàng được chấp nhận thì giám đốc hoặc người được giám đốc ủy quyền sẽ thay mặt công ty ký kết hợp đồng bán hàng với bên đề nghị mua hàng hóa.

Trước tiên, căn cứ vào biên bản kí kết hợp đồng kế toán viết phiếu xuất kho hàng hóa, phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Sau đó, Kế toán viết hóa đơn bán hàng (Hóa đơn GTGT) được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại cuống
- Liên 2: giao cho khách hàng
- Liên 3 (lưu nội bộ): làm căn cứ ghi sổ

❖ ***Tài khoản sử dụng***

Để hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện theo đúng chế độ kế toán. Các tài khoản được sử dụng trong hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong công ty:

- TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK51111: Xăng A92

TK51112: Xăng A95

TK51113: Xăng E5

TK51114: Dầu diesel

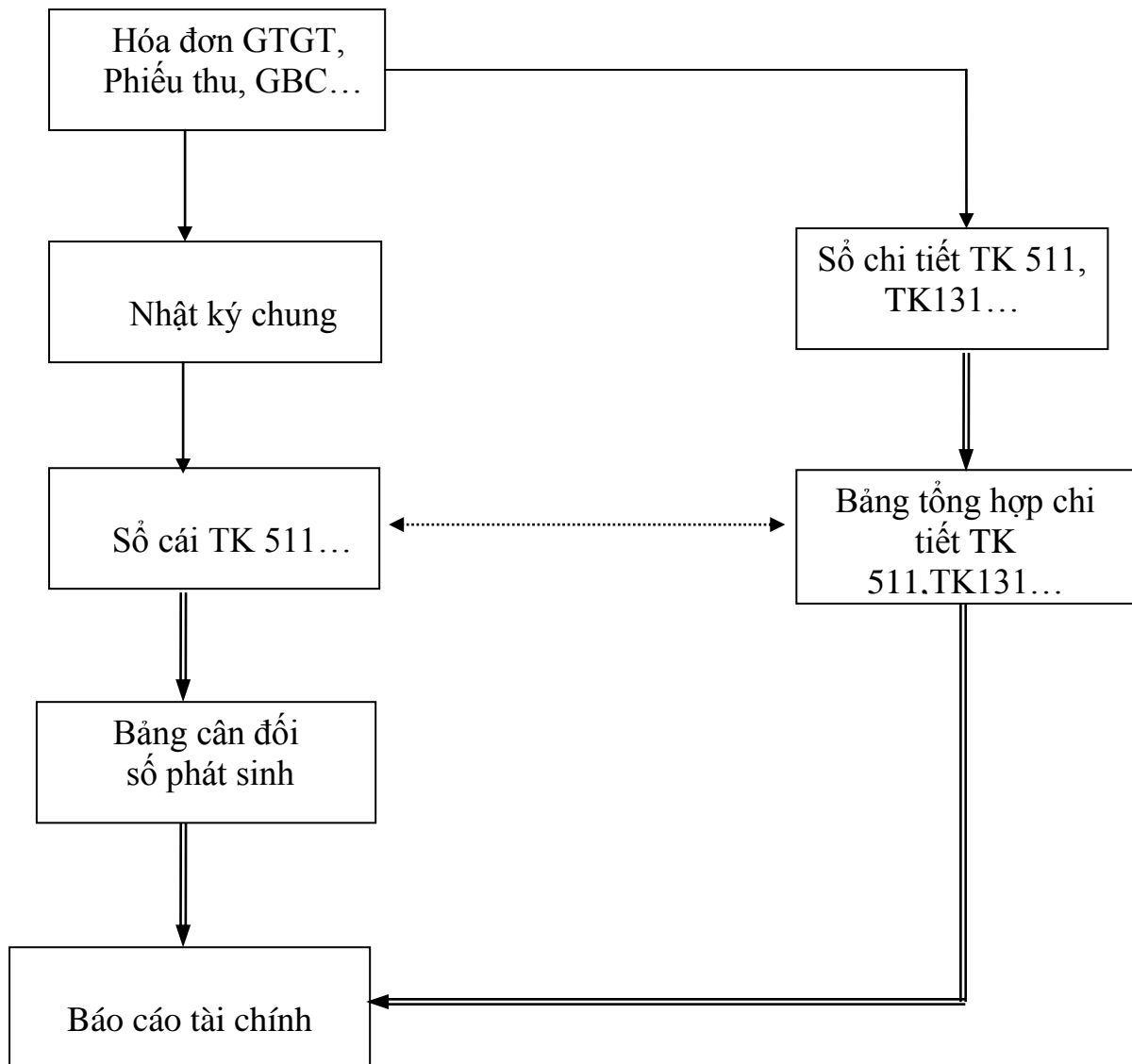
TK51115: Dầu hỏa

- TK 131 – Phải thu khách hàng....
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

❖ ***Hệ thống sổ sách sử dụng***

- Sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết phải thu khách hàng
- Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các TK 131, 511, 333, 138...
- Các sổ sách có liên quan

❖ *Trình tự luân chuyển chứng từ.*



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

- Hằng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái các TK 131, 138, 333, 511Đồng thời với việc ghi vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết phải thu khách hàng...

- Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ Sổ chi tiết TK 511, TK131... làm căn cứ lập Sổ tổng hợp chi tiết TK511, TK131...

+ Cùng với đó, tại thời điểm cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 511, 131, 138, 3331... lập Bảng cân đối số phát sinh.

+ Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên Sổ cái TK 511, TK131... và Bảng tổng hợp chi tiết TK 511, TK131...

+ Sau đó, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.2.1:

Ngày 06/12/2011 Xuất 860 lít dầu diesel bán cho Công ty TNHH N&T, giá bán 18.100 đồng/lít, (chưa thuế VAT 10%), LPXD là 500 đồng/lít, Công ty TNHH N&T chưa thanh toán.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0026041 (Biểu số 2.1.1) và các chứng từ khác liên quan, kế toán phản ánh vào các sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131 : 17.552.600

Có TK 5114 : 15.566.000

Có TK 3331 : 1.556.600

Có TK 138 : 430.000

- Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ Nhật Ký Chung (Biểu số 2.1.2) đồng thời ghi vào Sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 2.1.3), Sổ chi tiết phải thu khách hàng (Biểu số 2.1.4). Từ Sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.1.5), Sổ cái TK 131, Sổ cái TK333, Sổ cái TK 138.

- Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ chi tiết TK511, TK131 lần lượt lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 511 (Biểu số 2.1.6), Bảng tổng hợp chi tiết TK 131 (Biểu số 2.1.7).

+ Từ Sổ cái các TK được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.1.1

| HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Mẫu số : 01GTKT3/001 | | |
|--|-----------------------|--|----------------------|---|------------|
| Liên 3: Nội bộ | | | Ký hiệu : AA/11P | | |
| Ngày 06 tháng 12 năm 2011 | | | Số: 0026041 | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh | | | | | |
| Mã số thuế: 0200574957..... | | | | | |
| Địa chỉ: Tiền Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy – Hải Phòng..... | | | | | |
| Điện thoại: 031.3881.594 | | | | | |
| Số tài khoản: 2109211000122 – Ngân Hàng NN & PTNT Huyện Kiến Thụy | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Phan Đăng Thành..... | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH N&T..... | | | | | |
| Mã số thuế: 0200720816..... | | | | | |
| Địa chỉ: 52 Lê Tảo – Nam Sơn – Kiến An – Hải Phòng | | | | | |
| Hình thức thanh toán: TM, CK...Số tài khoản:102010000207452 Tại Ngân hàng Vietinbank -HP | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị Tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Dầu diesel | Lít | 860 | 18.100 | 15.566.000 |
| | LPXD: 430.000 | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 15.566.000 |
| Thuế GTGT: 10 % | | Tiền thuế GTGT: | | | 1.556.600 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 17.552.600 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu năm trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm đồng. / | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |

Biểu số 2.1.2.

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|-------------------|--------------|--|------------|------------------------|------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 05/12 | PC14/12 | 05/12 | Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng | 112 | 500.000.000 | |
| | | | | 111 | | 500.000.000 |
| 05/12 | UNC86/ACB | 05/12 | Thanh toán tiền hàng cty cổ phần | 331 | 296.250.000 | |
| | | | Đông Á | 112 | | 296.250.000 |
| 06/12 | UNC87/ACB | 06/12 | Nhập kho 12.500 lít dầu diesel cty cổ | 156 | 223.937.500 | |
| | | | phần Đông Á | 133 | 22.393.750 | |
| | | | | 138 | 6.250.000 | |
| | | | | 112 | | 252.581.250 |
| 06/12 | HD 0026041 | 06/12 | Xuất bán Dầu diesel cho công ty | 131 | 17.552.600 | |
| | | | TNHH N&T | 511 | | 15.566.000 |
| | | | | 333 | | 1.556.600 |
| | | | | 138 | | 430.000 |
| 06/12 | PX 38-01/12 | 06/12 | Giá vốn | 632 | 15.374.220 | |
| | | | | 156 | | 15.374.220 |
| 06/12 | GBC63/MK | 06/12 | Công ty cổ phần Tuê Quang trả nợ | 112 | 20.000.000 | |
| | | | tiền hàng | 131 | | 20.000.000 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng tổng số phát sinh | | 105.834.240.095 | 105.834.240.095 |

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiền Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S35 – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên hàng hóa: Dầu diesel – 51114 (Kho Dầu diesel số 01)
Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | | | | Các khoản tính trừ | |
|--------------|------------------|--------------|---|------------|--------------|---------------|----------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | | Thuế | Khác (521,531,532) |
| | | | | | | | Nợ | Có | | |
| | | | | | | | | | | |
| 05/12 | HĐ 0026038 | 05/12 | Xuất bán dầu diesel cty cổ phần Trường Sinh | 111 | 450 | 18.100 | | 8.145.000 | | |
| 06/12 | HĐ0026041 | 06/12 | Xuất bán Dầu diesel cho cty TNHH N&T | 131 | 860 | 18.100 | | 15.566.000 | | |
| 06/12 | HĐ 0026045 | 06/12 | Xuất bán lẻ Dầu diesel | 111 | 1.429 | 18.100 | | 25.864.900 | | |
| 06/12 | HĐ 0026048 | 06/12 | Xuất bán dầu diesel cty cổ phần Thành Công | 111 | 350 | 18.100 | | 6.335.000 | | |
| | | | Cộng | | | | 2.143.584.000 | 2.143.584.000 | | |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 15 tháng 01 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.1.4

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S31 – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng – TK131

Đối tượng: Công ty **TTNHH N&T**

Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | | Số dư | |
|--------------|-------------------|--------------|--|------------|-------------------|-------------------|-------------------|----|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | | 15.450.000 | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | | | |
| | | | | | | | | |
| 06/12 | HĐ 0026041 | 06/12 | Xuất bán Dầu diesel cho cty TNNHH N&T | 511 | 15.566.000 | | 96.079.500 | |
| | | | | 333 | 1.556.600 | | 97.636.100 | |
| | | | | 138 | 430.000 | | 98.066.100 | |
| 09/12 | PT61/12 | 09/12 | Công ty TNNHH N&T trả nợ tiền hàng | 111 | | 15.000.000 | 83.066.100 | |
| 27/12 | HĐ 0026347 | 27/12 | Xuất bán Dầu diesel cho cty TNNHH N& T | 511 | 3.852.000 | | 86.918.100 | |
| | | | | 333 | 385.200 | | 87.303.300 | |
| | | | | 138 | 214.000 | | 87.517.300 | |
| | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh trong kỳ | | 96.738.000 | 95.000.000 | | |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | | 17.188.000 | |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 15 tháng 01 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Tân Thế Huynh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy – Hải phòng

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG

Số hiệu TK: 511

Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Tên khách hàng | Số dư đầu kì | | Số phát sinh | | Số dư cuối kì | |
|----------|-------------------------------|--------------|----|-----------------------|-----------------------|---------------|----|
| | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 1 | Xăng A92 - Kho số 01 | - | - | 2.579.017.600 | 2.579.017.600 | - | - |
| 2 | Xăng A95 - Kho số 01 | | | 814.672.800 | 814.672.800 | | |
| 3 | Dầu diesel - Kho số 01 | - | - | 2.143.584.000 | 2.143.584.000 | - | - |
| 4 | Dầu hỏa - kho số 01 | | | 570.167.800 | 570.167.800 | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | - | - | 14.289.445.287 | 14.289.445.287 | - | - |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Tân Thế Huynh
Thôn Tiền Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy – Hải phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Số hiệu TK: 131

Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Tên khách hàng | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh | | Số dư cuối kỳ | |
|----------|-----------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 1 | Công ty TNHH An Khánh | - | | 354.080.000 | 330.080.000 | 24.000.000 | |
| 2 | Công ty TNHH TM Bình Hải | 28.000.000 | | 220.041.000 | 200.00.000 | 48.041.000 | |
| 3 | Công ty cổ phần Duy Tiên | | 78.000.000 | 262.400.000 | 260.000.000 | | 75.600.000 |
| 4 | Công ty TNHH N&T | 15.450.000 | | 96.738.000 | 95.000.000 | 17.188.000 | |
| 5 | Công ty cổ phần Sáng Hương | 30.041.000 | | 422.330.750 | 410.000.000 | 42.371.750 | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | 2.082.167.000 | 457.922.000 | 9.443.075.600 | 9.050.000.000 | 2.318.547.800 | 470.350.000 |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – TK511
Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|-------------------|--------------|---|------------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | - | - |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| 05/12 | PT 14/12 | 05/12 | Xuất bán xăng A92 cty cô phân Sáng Hường | 111 | | 8.652.800 |
| 05/12 | GBC 61/PG | 05/12 | Thu tiền bán xăng A92 cty cô phân Huyền Trang | 112 | | 21.600.000 |
| 06/12 | HD 0026041 | 06/12 | Xuất bán Dầu diesel cho cty TNHH N&T | 131 | | 15.566.000 |
| 06/12 | PT 27/12 | 06/12 | Xuất bán lẻ Dầu diesel | 111 | | 25.864.900 |
| 31/12 | PKT 75/12 | 31/12 | Kết chuyển Doanh thu BH Quý IV | 911 | 14.289.445.287 | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 14.289.445.287 | 14.289.445.287 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | - | - |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.**➤ Phương pháp tính giá hàng xuất kho.**

Tại Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh, để phản ánh giá vốn hàng xuất bán công ty sử dụng TK632 – Giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất bán trong kì tại công ty được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn.

Cách tính giá hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

**Tính đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn:*

- Số lượng dầu diesel tồn trước ngày 06/12 là: 3.285 lít.

- Đơn giá xuất dầu diesel trước ngày 06/12 là: 17.735 đồng/lít.

- Ngày 06/12 nhập 12.500 lít dầu diesel, đơn giá nhập 17.915 đồng/lít

=> Đơn giá xuất kho bq = $(3.285 \cdot 17.735 + 12.500 \cdot 17.915) / (3.285 + 12.500)$

(ngày 06/12) = 17.877 đồng/lít

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán
 - + TK63211: Xăng A92
 - + TK63212: Xăng A95
 - + TK63213: Xăng E5
 - + TK63214: Dầu diesel
 - + TK63215: Dầu hỏa
- TK 156 – Hàng hóa
 - + TK 1561: Giá mua
 - + TK 1562: Chi phí mua

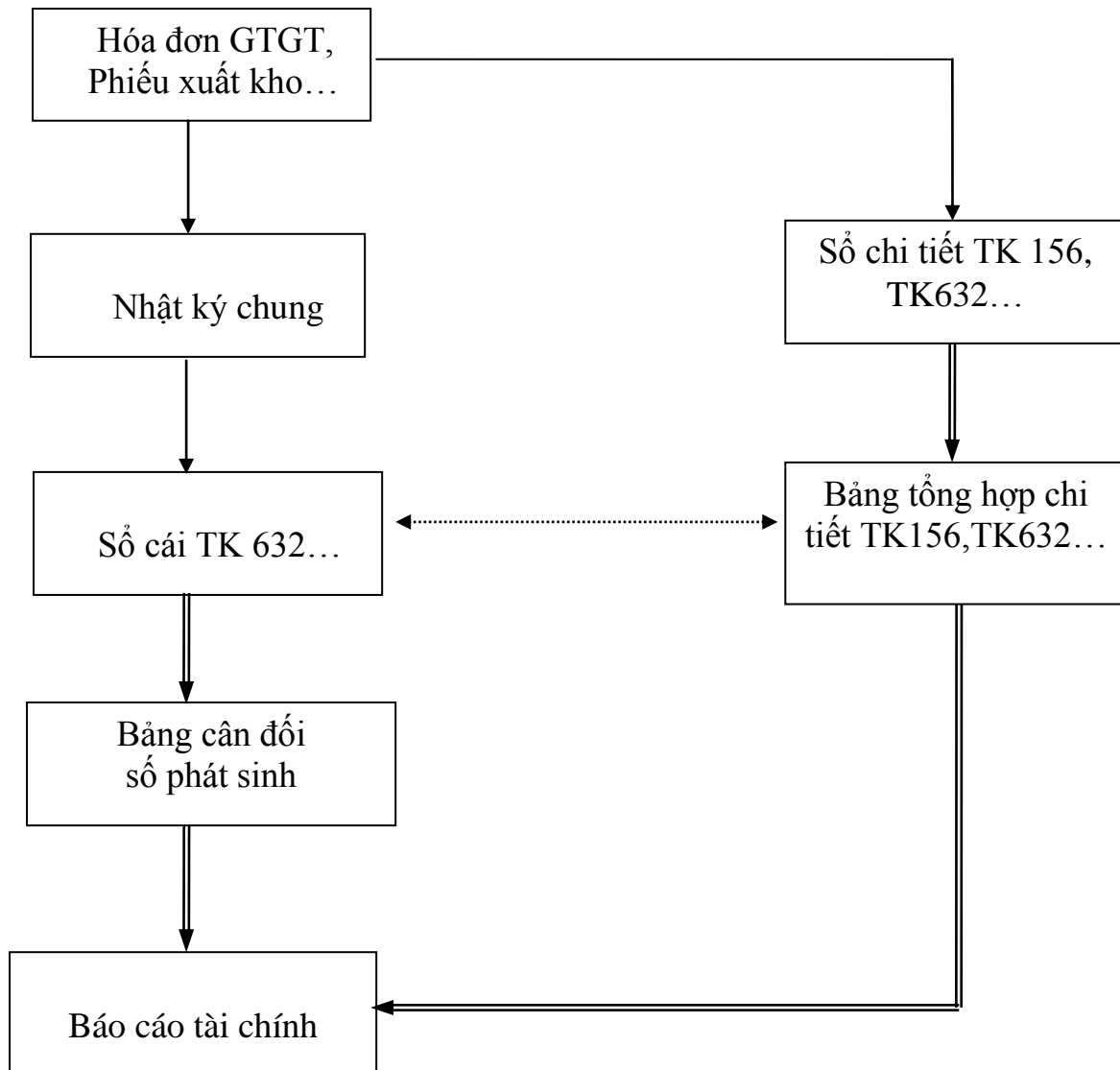
❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Thẻ kho
- Các chứng từ có liên quan

❖ **Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ chi tiết hàng hóa (TK156), giá vốn hàng bán (TK 632)
- Sổ tổng hợp chi tiết TK 156, TK 632
- Sổ cái TK 156, TK 632
- Các sổ sách có liên quan

❖ **Trình tự luân chuyển chứng từ**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào Sổ chi tiết TK632, TK156..., từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các TK 632, 156

- Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ Sổ chi tiết TK 632, TK156... làm căn cứ lập Bảng tổng hợp chi tiết TK632, TK156...

+ Cùng với đó, tại thời điểm cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 632, 156... lập Bảng cân đối số phát sinh.

+ Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên Sổ cái TK 632, TK156... và Bảng tổng hợp chi tiết TK 632, TK156...

+ Sau đó, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.2.2 : Ngày 06/12/2011 Xuất 860 lít dầu diesel bán cho Công ty TNHH N&T, giá vốn là 17.877 đồng/lít, (chưa thuế VAT 10%), LPXD là 500 đồng/lít, công ty chưa thanh toán.

Từ đơn giá xuất kho bình quân (ngày 06/12) = 17.877 đồng/lít (đã tính ở trên).

=> Trị giá vốn xuất kho dầu diesel ngày 06/12/2011 là: $860 \times 17.877 = 15.374.220$ đ

Căn cứ Phiếu Xuất kho (Biểu số 2.2.1) và các chứng từ có liên quan, kế toán phản ánh vào các sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK632 : 15.374.220

Có TK156 : 15.374.220

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.2.2), đồng thời ghi Sổ chi tiết TK 156, TK 632 (Biểu số 2.2.3). Từ Sổ Nhật Ký chung vào Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.2.5), Sổ cái TK 156.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ chi tiết TK 632 (Biểu số 2.2.4) và Sổ chi tiết TK156 để lập Bảng tổng hợp chi tiết TK632, Bảng tổng hợp Nhập – xuất – tồn.

Từ Sổ cái các TK đã lập được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.2.1

Đơn vị: **PHIẾU XUẤT KHO**

Số: 38-01/12

Mẫu số 02-VT

Bộ phận: Ngày 06 tháng 12 năm 2011

Nợ : 632

QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Có: 156

ngày 20 tháng 3 năm 2006

của Bộ trưởng BTC

Họ và tên người nhận hàng:Nguyễn Văn Thành.....Địa chỉ(bộ phận): Công ty TNHH N&T

Lý do xuất kho: xuất dầu diesel bán hàng.....

Xuất tại kho (ngăn lô): số 01..(cửa hàng số 01).....Địa điểm: Công ty cổ phần Tân Thế Huynh.....

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa) | Mã số | Đơn vị tính | Đơn vị tính | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--|-------|-------------|-------------|-----------|---------|------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Dầu diesel | | Lít | 860 | 860 | 17.877 | 15.374.220 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | 15.374.220 |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi đồng ./

Số chứng từ gốc kèm theo:.....01 HĐGTGT 0026041.....

Ngày 06 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu

(ký,họ tên)

Người nhận

hàng

(ký,họ tên)

Thủ kho

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Công ty cổ phần Tân Thế Huynh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|-------------------|--------------|--|------------|------------------------|------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 05/12 | PC14/12 | 05/12 | Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng | 112 | 500.000.000 | |
| | | | | 111 | | 500.000.000 |
| 05/12 | UNC86/ACB | 05/12 | Thanh toán tiền hàng cty cổ phần Đông Á | 331 | 296.250.000 | |
| | | | | 112 | | 296.250.000 |
| 06/12 | UNC87/ACB | 06/12 | Nhập kho 12.500 lít dầu diesel cty cổ phần Đông Á | 156 | 223.937.500 | |
| | | | | 133 | 22.393.750 | |
| | | | | 138 | 6.250.000 | |
| | | | | 112 | | 252.581.250 |
| 06/12 | HD 0026041 | 06/12 | Xuất bán Dầu diesel cho công ty TNHH N&T | 131 | 17.552.600 | |
| | | | | 511 | | 15.566.000 |
| | | | | 333 | | 1.556.600 |
| | | | | 138 | | 430.000 |
| 06/12 | PX38-01/12 | 06/12 | Giá vốn | 632 | 15.374.220 | |
| | | | | 156 | | 15.374.220 |
| 06/12 | GBC63/MK | 06/12 | Công ty cổ phần Tuê Quang trả nợ tiền hàng | 112 | 20.000.000 | |
| | | | | 131 | | 20.000.000 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng tổng số phát sinh | | 105.834.240.095 | 105.834.240.095 |

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S35 – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên hàng hóa: Dầu diesel – TK63214 (Kho Dầu diesel số 01)

Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | | | |
|--------------|-------------------|--------------|---|------------|--------------|---------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | |
| | | | | | | | Nợ | Có |
| | | | | | | | | |
| 05/12 | PX37-01/12 | 05/12 | Xuất bán dầu diesel cty cổ phần Trường Sinh | 156 | 450 | 17.735 | 7.980.750 | |
| 06/12 | PX38-01/12 | 06/12 | Xuất bán dầu diesel cty cty TNHH N&T | 156 | 860 | 17.877 | 15.374.220 | |
| 06/12 | PX39-01/12 | 06/12 | Xuất bán dầu diesel cty cổ phần Thành Công | 156 | 350 | 17.877 | 6.256.950 | |
| 06/12 | PX40-01/12 | 06/12 | Xuất bán lẻ Dầu diesel | 156 | 1.429 | 17.877 | 25.864.900 | |
| | | | Cộng tổng | | | | 1.748. 542.000 | 1.748. 542.000 |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 15 tháng 01 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S35 – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Số hiệu TK: 632

Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Tên khách hàng | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh | | Số dư cuối kỳ | |
|-----|-------------------------------|--------------|----|-----------------------|-----------------------|---------------|----|
| | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 1 | Xăng A92 – Kho số 01 | - | - | 2.016.869.600 | 2.016.869.600 | - | - |
| 2 | Xăng A95 - Kho số 01 | - | - | 695.472.800 | 695.472.800 | - | - |
| 3 | Dầu diesel – Kho số 01 | - | - | 1.748. 542.000 | 1.748. 542.000 | - | - |
| 4 | Dầu hỏa – kho số 01 | | | 421.615.500 | 421.615.500 | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | - | - | 12.785.336.950 | 12.785.336.950 | - | - |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy – Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán – TK632
Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|--------------------|--------------|--|------------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | - | - |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| | | | | | | |
| 05/12 | PX 31-02/12 | 05/12 | Xuất bán xăng A92 cty cổ phần Huyền Trang | 156 | 21.054.000 | |
| 06/12 | PX 38-01/12 | 06/12 | Xuất bán dầu diesel cty TNHH N&T | 156 | 15.374.220 | |
| 06/12 | PX 35-03/12 | 06/12 | Xuất bán xăng A92 cty TNHH Duy Tiên | 156 | 3.772.850 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT 76/12 | 31/12 | Kết chuyển Giá vốn hàng hóa | 911 | | 12.785.336.950 |
| | | | Cộng số phát sinh | | 12.785.336.950 | 12.785.336.950 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | - | - |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Tại Công ty cổ phần Tân Thế Huynh, chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí chào bán, chi phí bảo quản, vận chuyển ...

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 111, 112...
- TK 641 – Chi phí bán hàng

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

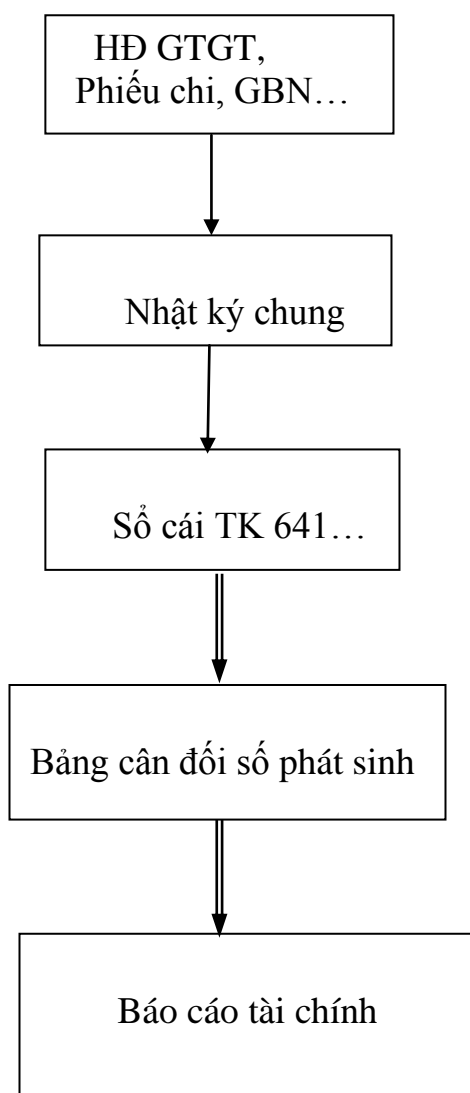
- Phiếu chi, Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng thông thường
- Bảng phân bổ tiền lương, BHXH
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 641
- Các Sổ sách có liên quan

❖ **Trình tự luân chuyển chứng từ**

Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ sau :



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

- Căn cứ vào Hoá đơn GTGT, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, ...kế toán tiến hành viết phiếu chi, tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên kế toán vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK 641.

- Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên sổ Cái và lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.2.3.1

Ngày 20/10/2011 Mua 05 bộ quần áo bảo hộ lao động phục vụ cho việc bán hàng tại Công ty TNHH TM & DV Kiên Long, giá mua 250.000 đồng/ bộ, thuế VAT 10%, đã trả bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hóa đơn mua hàng 0015146 (Biểu số 2.3.1), phiếu chi (Biểu số 2.3.2) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 641 : 1.250.000

Nợ TK 133 : 125.000

Có TK111 : 1.375.000

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký Chung (Biểu số 2.3.3), sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK641 (Biểu số 2.3.4), TK133, TK111...

Cuối kỳ, từ Sổ cái các TK được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

| HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Mẫu số : 01GTKT3/001 | | |
|--|-------------------------|---|----------------------|--|------------------|
| Liên 2: Giao khách hàng | | | Ký hiệu : AA/11P | | |
| Ngày 20 tháng 10 năm 2011 | | | Số: 0015146 | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM & DV Kiên Long..... Địa chỉ: 2B Bạch Đằng – Hải Phòng Mã số thuế: 0200285317..... Điện thoại: 031.3533.384..... Số tài khoản: 27915219 tại Ngân hàng ACB chi nhánh Duyên Hải..... | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Nguyễn Như Hào Tên đơn vị: Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh Mã số thuế: 0200574957..... Địa chỉ: Tiền Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy – Hải Phòng..... Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản: 2109211000122 – Ngân Hàng NN & PTNT Kiến Thụy | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị Tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Quần áo bảo hộ lao động | Bộ | 05 | 250.000 | 1.250.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 1.250.000 |
| Thuế GTGT: 10 % | | | Tiền thuế GTGT: | | 125.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 1.375.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng. /</i> | | | | | |
| Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | | Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | | Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i> | |

Biểu số 2.3.2

| | | | |
|--------------|---------------------------|--------------|---------------------|
| Đơn vị:..... | PHIẾU CHI | Quyển số:... | Mẫu số 02-TT |
| Bộ phận: | Ngày 20 tháng 10 năm 2011 | Số:...45/10 | (Ban hành theo |
| | | Nợ TK 641 | QĐ số 15/2006- |
| | | Nợ TK 133 | QĐ-BTC ngày |
| | | Có TK 111 | 20/03/2006 của Bộ |
| | | | trưởng BTC) |

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Như Hòa.....

Địa chỉ:..... Bộ phận Bán hàng.....

Lý do chi:.....Chi mua quần áo bảo hộ lao động.....

Số tiền :..... 1.375.000.....(Viết bằng chữ). Một triệu ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn./.....

Kèm theo:.....01..... Chứng từ gốc.....HĐGTGT 0015146.....

Ngày 20 tháng 10 năm 2011

| | | | | |
|---------------------------|-----------------------|----------------------------|----------------------------|----------------|
| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập phiếu | Người nhận tiền | Thủ quỹ |
| (Ký, họ tên, đóng dấu) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ): Một triệu ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn./

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy – Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|----------------|--------------|---|------------|------------------------|------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 20/10 | PC45/10 | 20/10 | Mua quần áo bảo hộ lao động phục vụ bộ phận bán hàng | 641 | 1.250.000 | |
| | | | | 133 | 125.000 | |
| | | | | 111 | | 1.375.000 |
| | | | | | | |
| 06/12 | UNC87/ACB | 06/12 | Nhập kho 12.500 lít dầu diesel cty cổ phần Đông Á | 156 | 223.937.500 | |
| | | | | 133 | 22.393.750 | |
| | | | | 138 | 6.250.000 | |
| | | | | 112 | | 252.581.250 |
| 06/12 | HĐ 0026041 | 06/12 | Xuất bán Dầu diesel cho công ty TNHH N&T | 131 | 17.552.600 | |
| | | | | 511 | | 15.566.000 |
| | | | | 333 | | 1.556.600 |
| | | | | 138 | | 430.000 |
| 06/12 | PX38-01/12 | 06/12 | Giá vốn | 632 | 15.374.220 | |
| | | | | 156 | | 15.374.220 |
| 06/12 | GBC63/MK | 06/12 | Công ty cổ phần Tuê Quang trả nợ tiền hàng | 112 | 20.000.000 | |
| | | | | 131 | | 20.000.000 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng tổng số phát sinh | | 105.834.240.095 | 105.834.240.095 |

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng – TK641
Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|-----------------|--------------|--|------------|--------------------|--------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | - | - |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| | | | | | | |
| 20/10 | PC 45/10 | 20/10 | Mua quần áo bảo hộ lao động | 111 | 1.250.000 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | BKH12 | 31/12 | Trích khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận Bán hàng | 214 | 32.943.523 | |
| 31/12 | BL12 | 31/12 | Tính lương phải trả bộ phận bán hàng | 334 | 65.963.860 | |
| 31/12 | BL12 | 31/12 | Các khoản trích theo lương tính vào chi phí bán hàng | 338 | 14.512.050 | |
| 31/12 | PKT76/12 | 31/12 | Kết chuyển chi phí bán hàng | 911 | | 588.569.039 |
| | | | Cộng số phát sinh | | 588.569.039 | 588.569.039 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | - | - |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Tại Công ty cổ phần Tân Thế Huynh, chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công , các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dịch vụ mua ngoài khác (điện nước, điện thoại, fax...), chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng...)....

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp công ty sử dụng TK 642.

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 111, 112...
- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

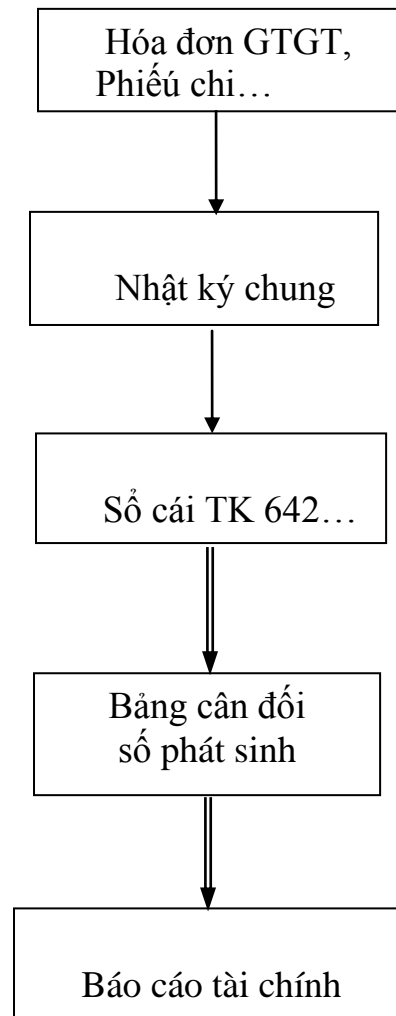
- Phiếu chi, Hoá đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương, BHXH
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 642
- Các Sổ sách có liên quan

❖ **Trình tự luân chuyển chứng từ**

Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ sau :

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ
- ◄.....> Đối chiếu, kiểm tra

- Căn cứ vào Hoá đơn GTGT, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, ...kế toán tiến hành viết phiếu chi , tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên kế toán vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK 642.

- Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên sổ Cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.2.3.2

Ngày 05/11/2011 Phát sinh nghiệp vụ mua văn phòng phẩm tại Công ty cổ phần văn phòng phẩm Hải Phòng, mua 12 tập giấy A4, giá mua chưa thuế 85.000đồng/ tập, VAT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT 0059886 (Biểu số 2.4.1), phiếu chi (Biểu số 2.4.2) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 642 : 1.020.000

Nợ TK 133 : 102.000

Có TK 111 : 1.122.000

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký Chung (Biểu số 2.4.3), sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK642 (Biểu số 2.4.4.), TK 133, TK111...

Cuối kỳ, từ Sổ cái các TK được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

| HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Mẫu số : 01GTKT3/001 | | |
|---|-----------------------|--|----------------------|---|------------|
| Liên 2: Giao khách hàng | | | Ký hiệu : AA/11P | | |
| Ngày 05 tháng 11 năm 2011 | | | Số: 0059886 | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần văn phòng phẩm Hải Phòng..... | | | | | |
| Mã số thuế: 0200320916..... | | | | | |
| Địa chỉ: Số 12A – Phường Hưng Đạo – Q.Dương Kinh – Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại: 031.3828596..... | | | | | |
| Số tài khoản: 20528427 tại Ngân hàng VPBank – Trường Chinh - Hải Phòng | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Thùy | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty cổ phần Tân Thế Huynh | | | | | |
| Mã số thuế: 0200574957..... | | | | | |
| Địa chỉ: Tiền Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy – Hải Phòng | | | | | |
| Số tài khoản: 2109211000122 – Ngân Hàng NN & PTNT Huyện Kiến Thụy | | | | | |
| Hình thức thanh toán: TM... Số tài khoản: 2109211000122 – Ngân Hàng NN & PTNT Kiến Thụy | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị Tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Giấy A4 | Tập | 12 | 85.000 | 1.020.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 1.020.000 |
| Thuế GTGT: 10 % | | | Tiền thuế GTGT: | | 102.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 1.122.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng. / | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |

Biểu số 2.4.2

| | | | |
|--------------|---------------------------|----------------|---|
| Đơn vị:..... | PHIẾU CHI | Quyển số:..... | Mẫu số 02-TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006- QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) |
| Bộ phận: | Ngày 05 tháng 11 năm 2011 | Số:...15/11 | |
| | | Nợ TK 642 | |
| | | Nợ TK 133 | |
| | | Có TK 111 | |

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Thùy.....

Địa chỉ:..... Phòng Kế Toán.....

Lý do chi:.....Chi mua văn phòng phẩm.....

Số tiền :..... 1.122.000.....(Viết bằng chữ). Một triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng chẵn./.....

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐGTGT 0059886.....

Ngày 05 tháng 11 năm 2011

| | | | | |
|---------------------------|-----------------------|----------------------------|----------------------------|----------------|
| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập phiếu | Người nhận tiền | Thủ quỹ |
| (Ký, họ tên, đóng dấu) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ): Một triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng chẵn./

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

Biểu số 2.4.3

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|----------------|--------------|--|------------|------------------------|------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 05/11 | PC15/11 | 05/11 | Chi mua văn phòng phẩm phục vụ Bộ phận QLDN | 642 | 1.020.000 | |
| | | | | 133 | 102.000 | |
| | | | | 111 | | 1.122.000 |
| | | | | | | |
| 15/12 | PC39/12 | 15/12 | Chi tiếp khách | 642 | 3.500.000 | |
| | | | | 133 | 350.000 | |
| | | | | 111 | | 3.850.000 |
| 15/12 | PC40/12 | 15/12 | Thanh toán tiền điện T11/2011 | 642 | 2.546.760 | |
| | | | | 133 | 254.676 | |
| | | | | 111 | | 2.801.436 |
| 15/12 | PC41/12 | 15/12 | Thanh tiền điện thoại T11/2011 | 642 | 940.530 | |
| | | | | 133 | 94.053 | |
| | | | | 111 | | 1.034.583 |
| 15/12 | GBC102/ACB | 15/12 | Công ty TNHH An Khánh trả tiền | 112 | 25.000.000 | |
| | | | | 131 | | 25.000.000 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng tổng số phát sinh | | 105.834.240.095 | 105.834.240.095 |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí Quản lý doanh nghiệp – TK642
Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|----------------|--------------|---|------------|--------------------|--------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | - | - |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| | | | | | | |
| 05/11 | PC15/11 | 05/11 | Chi mua văn phòng phẩm | 111 | 1.020.000 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | BKH12 | 31/12 | Trích khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận QLDN tháng 12 | 214 | 12.698.388 | |
| 31/12 | BL12 | 31/12 | Tính lương phải trả bộ phận QLDN T12 | 334 | 62.701.556 | |
| 31/12 | BL12 | 31/12 | Các khoản trích theo lương tính vào CPQLDN | 338 | 13.794.342 | |
| 31/12 | PKT 76/12 | 31/12 | Kết chuyển chi phí quản lý DN quý IV | 911 | | 613.267.745 |
| | | | Cộng số phát sinh | | 613.267.745 | 613.267.745 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | - | - |

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

2.4.1. Kế toán doanh thu tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty cổ phần Tân Thế Huynh chủ yếu là khoản lãi tiền gửi ngân hàng. Sau khi nhận được chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 515.

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 111, 112 - Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng
- TK có liên quan

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo có của Ngân hàng, Phiếu Thu...
- Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 515
- Các Sổ sách có liên quan

2.4.2. Kế toán chi phí tài chính

Tại Công ty cổ phần Tân Thế Huynh, chi phí tài chính là các khoản chi phí phát sinh từ lãi vay ngân hàng, chi phí chuyển tiền ngân hàng...

❖ Tài khoản sử dụng

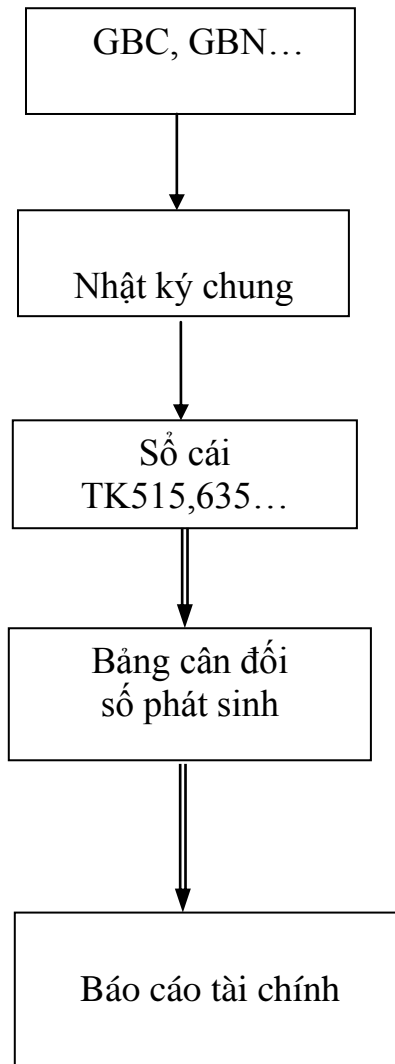
- TK 635 - chi phí tài chính
- TK 111, 112 - Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng
- TK có liên quan

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Sổ phụ của Ngân hàng, Phiếu chi...
- Các chứng từ khác có liên quan

2.4.3. Phương pháp hạch toán.

Quy trình hạch toán Doanh thu hoạt động tài chính, Chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh được khái quát bằng sơ đồ sau :



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo nợ, Giấy báo có của Ngân hàng, Phiếu chi, Phiếu thu, Bảng kê tính lãi vay, chi phí lãi vay... kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK 515, TK635.

- Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên sổ Cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.4.1:

Ngày 31/12/2011 phát sinh nghiệp vụ : Ngân hàng Vietinbank trả lãi tiền gửi tháng 12/2011 nhập vào tài khoản TGNH

Căn cứ vào giấy báo có của Ngân hàng số 048 (Biểu số 2.5.1) và các chứng từ có liên quan kế toán định khoản:

Nợ TK 112 : 856.469

Có TK 515: 856.469

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký Chung (Biểu số 2.5.2), sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK515 (Biểu số 2.5.3), và kế toán căn cứ vào Giấy báo có ghi vào Sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng TK112.

Cuối kỳ, từ Sổ cái của các TK có liên quan kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.4.2:

Ngày 31/12/2011 phát sinh nghiệp vụ: công ty trả tiền lãi vay của ngân hàng Vietinbank số tiền 8.498.640

Căn cứ vào Giấy báo nợ (Biểu số 2.6.1), và các chứng từ có liên quan khác, Kế toán định khoản:

Nợ TK 635 : 8.498.640

Có TK 112: 8.498.640

Từ bút toán trên Kế toán ghi sổ Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.5.2), sau đó ghi vào Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.6.2)

Cuối kỳ, từ Sổ cái của các tài khoản có liên quan kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

***/ Từ VD 2.4.1 - Kế toán phản ánh nghiệp vụ vào sổ sách liên quan TK515:**

Biểu số 2.5.1

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN
VIETIN BANK**

**Mã GDV: 034
Mã KH: 10366
Số GD: 00048**

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 31/12/2011

Kính gửi : CTY CỔ PHẦN TÂN THẾ HUYNH

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 1020.10000.202.228

Số tiền bằng số: 856.469

Số tiền bằng chữ: Tám trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi chín nghìn./

Nội dung: #NHẬP LÃI KHÔNG KỲ HẠN#

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

***/ Từ VD 2.4.2- Kế toán phản ánh nghiệp vụ vào sổ sách liên quan TK635:**

Biểu số 2.6.1

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN
VIETTIN BANK**

**Mã GDV: 034
Mã KH: 10366
Số GD: 00051**

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 31/12/2011

Kính gửi : CTY CỔ PHẦN TÂN THẾ HUYNH

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 1020.10000.202.228

Số tiền bằng số: 8.498.640

Số tiền bằng chữ: Tám triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng./

Nội dung: # TRẢ LÃI VAY NGÂN HÀNG #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|-----------------|--------------|---|--------------------|------------------------|------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 31/12 | GBC121/No | 31/12 | Thu lãi từ Ngân hàng NN&PTNT huyện Kiến Thụy | 112 515 | 2.135.912 | 2.135.912 |
| 31/12 | GBC48/VT | 31/12 | Ngân hàng Vietinbank nhập lãi tiền gửi không kì hạn – CN Hải Phòng | 112 515 | 856.469 | 856.469 |
| 31/12 | GBC115/ACB | 31/12 | Thu lãi tiền gửi Ngân hàng thương mại Á Châu | 112 515 | 1.258.472 | 1.258.472 |
| 31/12 | GBN51/VT | 31/12 | Trả lãi cho ngân hàng thương mại cổ phần công thương VN - Vietinbank | 635 112 | 8.498.640 | 8.498.640 |
| 31/12 | PC82/12 | 31/12 | Chi mua văn phòng phẩm | 642 133 111 | 1.315.000 131.500 | 1.446.500 |
| 31/12 | PC83/12 | 31/12 | Thanh toán lương văn phòng T12 | 334 111 | 62.701.556 | 62.701.556 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng tổng số phát sinh | | 105.834.240.095 | 105.834.240.095 |

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu tài chính – TK515
Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|-----------------|--------------|--|------------|-------------------|-------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | - | - |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| | | | | | | |
| 31/12 | GBC121/No | 31/12 | Thu lãi từ Ngân hàng NN&PTNT huyện Kiến Thụy | 112 | | 2.135.912 |
| 31/12 | GBC48/VT | 31/12 | Ngân hàng Vietin bank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn – CN Hải Phòng | 112 | | 856.469 |
| 31/12 | GBC115/ACB | 31/12 | Thu lãi tiền gửi Ngân hàng thương mại Á Châu | 112 | | 1.258.472 |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT 75/12 | 31/12 | Kết chuyển Doanh thu tài chính quý IV | 911 | 42.715.349 | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 42.715.349 | 42.715.349 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí tài chính – TK 635
Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|------------------|--------------|---|------------|--------------------|--------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | - | - |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| | | | | | | |
| 31/12 | GBN 51/VT | 31/12 | Trả lãi cho ngân hàng thương mại cổ phần công thương VN - Vietinbank | 112 | 8.498.640 | |
| 31/12 | GBN 107/No | 31/12 | Trả lãi cho Ngân hàng NN&PTNT huyện Kiến Thụy | 112 | 8.675.820 | |
| 31/12 | GBN 87/GP | 31/12 | Trả lãi cho Ngân hàng Dầu khí VN – CN Hải Phòng | 112 | 9.352.715 | |
| 31/12 | GBN 98/ACB | 31/12 | Trả lãi cho Ngân hàng Á Châu | 112 | 11.205.891 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT76/12 | 31/12 | Kết chuyển Chi phí tài chính quý IV | 911 | | 168.537.941 |
| | | | Cộng số phát sinh | | 168.537.941 | 168.537.941 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với Công ty Cổ phần Tân Thế Huỳnh kết quả kinh doanh được thể hiện qua:

- Kết quả hoạt động bán hàng
- Kết quả hoạt động tài chính

❖ *Hạch toán xác định kết quả kinh doanh*

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá kết quả kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của mình.

Tài khoản 511, 515, 632, 635, 641, 642 được sử dụng để hạch toán kết quả kinh doanh của Công ty.

- Nếu (Tổng doanh thu + Thu nhập) – Tổng chi phí < 0

=>Doanh nghiệp lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối.

- Nếu (Tổng doanh thu + Thu nhập) – Tổng chi phí > 0

=>Doanh nghiệp lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK421- Lợi nhuận chưa phân phối.

- Nếu (Tổng doanh thu + Thu nhập) – Tổng chi phí = 0

=>Doanh nghiệp hòa vốn.

Lợi nhuận trước thuế TNDN = Tổng Doanh thu – tổng chi phí

*Thuế TNDN = Lợi nhuận trước thuế TNDN * Thuế suất thuế TNDN (25%)*

❖ *Tài khoản sử dụng*

- TK911 : Kết quả kinh doanh
- TK421: Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 821: Chi phí thuế TNDN

- TK liên quan: 511, 515, 632,635, 3333...

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ Sổ cái của các tài khoản và Sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào sổ Nhật ký chung rồi vào sổ Cái TK 911, 821, 421....

Kế toán tổng hợp số liệu kế toán kết quả kinh doanh để lập Bảng cân đối số phát sinh và từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.2.5: Xác định kết quả kinh doanh quý VI.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 14.289.445.287

Giá vốn hàng bán: 12.785.336.950

Chi phí bán hàng : 588.569.039

Chi phí quản lý Doanh nghiệp: 613.267.745

Doanh thu tài chính: 42.715.349

Chi phí tài chính: 168.537.941

**Xác định kết quả kinh doanh:*

| | <i>Doanh thu</i> | | <i>Chi phí</i> | | |
|----------------|------------------|--------------|----------------|----------|---------------------|
| <i>Kết quả</i> | <i>= BH CCDV</i> | <i>- Giá</i> | <i>- BH,</i> | <i>+</i> | <i>Doanh</i> |
| <i>KD</i> | | <i>vốn</i> | <i>QLDN</i> | | <i>- Chi phí TC</i> |
| | | | | | <i>thu TC</i> |

$$+/- \text{ Kết quả kinh doanh} = 14.289.445.287 - 12.785.336.950 - (588.569.039 + 613.268.745) + (42.715.349 - 168.537.941) = 176.448.961$$

=>Doanh nghiệp kinh doanh lãi

$$+/- \text{ Thuế TNDN} = 176.448.961 * 25\% = 44.112.240$$

$$+/- \text{ Lợi nhuận sau thuế TNDN} = 176.448.961 - 44.112.240 = 132.336.721$$

Sau khi kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí ta xác định Doanh nghiệp kinh doanh lãi. Kế toán tiến hành lập các Phiếu kế toán số 75 (Biểu số 2.7.1) và

Phiếu kế toán số 76 (Biểu số 2.7.2). Căn cứ vào Phiếu kế toán đã lập, kế toán phản ánh vào Sổ Nhật Ký chung (Biểu số 2.7.3). Từ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK911 (Biểu số 2.7.4), TK 821, TK421...

Cuối kỳ, từ các Sổ cái và các sổ có liên quan được lập kế toán lập Bảng Cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng Cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 75/12

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|-----|-------------------------|-------|-------|-----------------------|
| | <i>Ghi có TK 911</i> | | | |
| 1. | K/c Doanh thu bán hàng | 511 | 911 | 14.289.445.287 |
| 2. | K/c Doanh thu tài chính | 515 | 911 | 42.715.349 |
| | Tổng | | | 14.332.160.636 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

(đã ký)

Biểu 2.7.1. Phiếu kế toán số 75/12

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 76/12

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|-----|------------------------|-------|-------|-----------------------|
| | <i>Ghi nợ TK 911</i> | | | |
| 1. | K/c Giá vốn hàng bán | 911 | 632 | 12.785.336.950 |
| 2. | K/c Chi phí tài chính | 911 | 635 | 168.537.941 |
| 3. | K/c Chi phí bán hàng | 911 | 641 | 588.569.039 |
| 4. | K/c Chi phí QLDN | 911 | 642 | 613.267.745 |
| 5. | K/c Chi phí thuế TNDN | 911 | 821 | 44.112.240 |
| 6. | K/c Lợi nhuận sau thuế | 911 | 421 | 132.336.721 |
| | Tổng | | | 14.332.160.636 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

(đã ký)

Biểu 2.7.2 Phiếu kế toán 76/12

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiên Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy – Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|------------------|--------------|--------------------------------------|------------|------------------------|------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT 75/12 | 31/12 | Kết chuyển Doanh thu quý IV | 511 | 14.289.445.287 | |
| | | | | 515 | 42.715.349 | |
| | | | | 911 | | 14.332.160.636 |
| 31/12 | PKT 76/12 | 31/12 | Kết chuyển Chi phí quý IV | 911 | 14.155.711.675 | |
| | | | | 632 | | 12.785.336.950 |
| | | | | 635 | | 168.537.941 |
| | | | | 641 | | 588.569.039 |
| | | | | 642 | | 613.267.745 |
| 31/12 | PKT 76/12 | 31/12 | Kết chuyển Thuế TNDN | 911 | 44.112.240 | |
| | | | | 821 | | 44.112.240 |
| 31/12 | PKT 76/12 | 31/12 | Kết chuyển Lợi nhuận sau thuế | 911 | 132.336.721 | |
| | | | | 421 | | 132.336.721 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng tổng số phát sinh | | 105.834.240.095 | 105.834.240.095 |

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh
Thôn Tiền Anh – Ngũ Đoan – Kiến Thụy - Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(QĐ 15/2006/QĐ – BTC Ngày 20/03/2006)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh – TK 911
Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | |
|-------|-----------|-------|--------------------------------|------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| 31/12 | PKT 75/12 | 31/12 | Kết chuyển Doanh thu BH Quý IV | 511 | | 14.289.445.287 |
| | | | Kết chuyển Doanh thu TC Quý IV | 515 | | 42.715.349 |
| 31/12 | PKT 76/12 | 31/12 | Kết chuyển Giá vốn Quý IV | 632 | 12.785.336.950 | |
| | | | Kết chuyển Chi phí TC Quý IV | 635 | 168.537.941 | |
| | | | Kết chuyển Chi phí BH Quý IV | 641 | 588.569.039 | |
| | | | Kết chuyển Chi phí QLDN Quý IV | 642 | 613.267.745 | |
| 31/12 | PKT 76/12 | 31/12 | Kết chuyển Thuế TNDN | 821 | 44.112.240 | |
| 31/12 | PKT 76/12 | 31/12 | Kết chuyển Lợi nhuận sau thuế | 421 | 132.336.721 | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 14.332.160.636 | 14.332.160.636 |

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ IV/2011**

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Mã số | TM | Quý này | Quý trước |
|--|-------|-------|----------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.25 | 14.289.445.287 | 15.478.954.236 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.26 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | VI.27 | 14.289.445.287 | 15.478.954.236 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.28 | 12.785.336.950 | 14.064.814.657 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | VI.29 | 1.504.108.337 | 1.414.139.579 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.30 | 42.715.349 | 42.156.981 |
| 7. Chi phí hoạt động tài chính | 22 | | 168.537.941 | 156.798.004 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 158.879.271 | 141.429.180 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 588.569.039 | 576.750.140 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 613.267.745 | 689.234.664 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { (30=20+(21-22)+(24+25) } | 30 | | 176.448.961 | 34.113.752 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | - |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | - | - |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 176.448.961 | 34.113.752 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.31 | 44.112.240 | 8.528.438 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | VI.32 | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | | 132.336.721 | 25.585.314 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | | | |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 01 năm 2012

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THẾ HUYNH

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Là doanh nghiệp vừa và nhỏ, có bề dày phát triển chưa lâu nhưng công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh, và đang khẳng định được chỗ đứng của mình trên thương trường. Để có được những thành tựu như ngày hôm nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên tận tụy, nhiệt tình với công việc, chịu khó tìm tòi học hỏi để đổi mới công ty, xây dựng công ty lớn mạnh. Những ưu điểm của công ty trong công tác tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua các khía cạnh sau.

3.1.1 Ưu điểm

Về bộ máy quản lý:

Công ty xây dựng một bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng, rất gọn nhẹ, hợp lý và chất lượng công việc cao.

Về bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán, đáp ứng nhu cầu công tác quản lý. Phòng tài chính kế toán với đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác quản lý, tinh thần trách nhiệm cao, nắm vững chính sách chế độ của nhà nước cũng như công việc của mình đã góp phần nào đáp ứng được yêu cầu công việc.

Công ty áp dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung, toàn bộ công việc xử lý thông tin trong toàn doanh nghiệp được thực hiện tập trung ở phòng kế toán, còn các bộ phận và đơn vị trực thuộc khác chỉ thực hiện việc thu thập, phân loại và chuyển chứng từ và các báo cáo nghiệp vụ về phòng kế toán phục vụ cho việc xử lý, tổng hợp thông tin. Mô hình này đảm bảo giám sát, đối chiếu số liệu được thống nhất và nhanh gọn.

Hình thức kế toán và chứng từ sử dụng:

- Về hình thức kế toán: Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ, dễ theo dõi.

- Về chứng từ sử dụng: Chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu.

Về phương pháp hạch toán hàng tồn kho và phương pháp tính thuế GTGT:

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là phương pháp bình quân liên hoàn. Phương pháp này là hoàn toàn phù hợp bởi nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phản ánh, ghi chép hàng hóa lưu thông.

- Việc áp dụng phương pháp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên đã tạo điều kiện cho việc phản ánh sự biến động hàng ngày, hàng giờ của hàng hoá không phụ thuộc vào kết quả kiểm kê, việc tính thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT phải nộp cũng đơn giản hơn. Công ty thực hiện đúng đủ, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Về hệ thống tài khoản sử dụng:

Hệ thống tài khoản kế toán của doanh nghiệp đều theo hệ thống tài khoản kế toán của quyết định 15/2006/QĐ-BTC. Ngoài ra để tiện cho việc theo dõi và hạch toán, công ty còn mở thêm các tài khoản cấp 2 và cấp 3 để tiện cho việc theo dõi và hạch toán chi tiết hơn.

Về công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh :

Hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả, các khoản thu nhập thực tế và phần phải nộp vào ngân sách Nhà nước, đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông. Trên cơ sở đặc điểm của hàng hóa, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh

doanh bên cạnh việc cung cấp các thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng, hay các nhà cung cấp... Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban Giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động kinh doanh tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời đúng đắn và hiệu quả.

3.1.2. Nhược điểm

Tại Công ty Cổ phần Tân Thế Huỳnh, bên cạnh những ưu điểm đã và đang đạt được vẫn còn tồn tại một số hạn chế gây khó khăn cho công tác kế toán của Doanh nghiệp như:

Về tổ chức bộ máy kế toán

Đội ngũ cán bộ nhân viên còn trẻ có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình công việc, nhưng trình độ chuyên môn vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc, chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ sách chưa kịp thời, nhanh gọn, dễ dẫn đến sai sót, hiệu quả công việc chưa cao.

Công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính, tuy nhiên Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán (Misa, Vacom..) mà vẫn chỉ thực hiện thủ công trên Excel nên dễ dẫn đến việc xảy ra nhầm lẫn, sai sót...

Về Công tác theo dõi chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh, Kế toán công ty không mở sổ theo dõi chi tiết tài khoản 641 và tài khoản 642, làm cho việc theo dõi các khoản chi phí phát sinh không được chi tiết và khó khăn trong việc quản lý dẫn đến việc khó tiết kiệm được chi phí.

Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tại Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh, theo báo cáo của phòng kế toán (Biểu số 3.1) nợ chưa đến hạn của công ty là 1.146.861.800, nợ đến hạn là 952.673.200, nợ quá hạn là 210.452.800 và nợ không đòi được là 8.560.000 nhưng công ty vẫn chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ khoản nợ không đòi được.

Điều này dẫn đến công ty không có khoản dự phòng bù đắp rủi ro xảy ra, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, gây thiếu vốn trong kinh doanh, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, không phản ánh chính xác tình hình tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp.

Về hệ thống sổ sách kế toán

Là một doanh nghiệp thương mại, nên các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty là việc trao đổi, mua bán hàng hóa, tiền được luân chuyển rất nhanh. Bởi thế, kế toán sẽ gặp khó khăn trong việc theo dõi, quản lý tiền mặt, hàng hóa. Nhưng hiện nay công ty lại không sử dụng các nhật ký đặc biệt để theo dõi riêng các nghiệp vụ thường xuyên phát sinh như sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền...

Về chính sách thu hồi nợ và chính sách chiết khấu

Hiện tại, công tác thu hồi nợ đọng còn nhiều hạn chế. Công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán trước hạn,... Điều này dẫn đến khách hàng không có động lực thanh toán trước thời hạn, vòng quay vốn của công ty kéo dài trong khi đó vốn của công ty lại thiếu phải đi vay thêm bên ngoài làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng không nhỏ đến nhỏ đến hoạt động lâu dài và phát triển bền vững mà công ty đã và đang xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THẾ HUYNH

BÁO CÁO NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

| STT | Tên công ty | Số tiền | Trong đó | | | |
|-----|---------------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|--------------------|------------------|
| | | | Chưa đến hạn | Đến hạn | Quá hạn | Không đòi được |
| 1 | Công ty TNHH An Khánh | 124.000.000 | | 124.000.000 | | |
| 2 | Công ty TNHH TM Bình Hải | 248.041.000 | 248.041.000 | | | |
| 3 | Công ty TNHH N&T | 127.188.000 | 127.188.000 | | | |
| 4 | Công ty CP Sáng Hưởng | 8.560.000 | | | | 8.560.000 |
| 5 | Công ty CP Tân Ngọc Huyền Trang | 150.238.950 | | 150.238.950 | | |
| 6 | Công ty TNHH TM Thái Linh An | 393.065.900 | 228.251.452 | 164.814.448 | | |
| | ... | | | | | |
| | Cộng | 2.318.547.800 | 1.146.861.800 | 952.673.200 | 210.452.800 | 8.560.000 |

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.1 Báo cáo nợ phải thu khách hàng

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THẾ HUYNH.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tân Thế Huynh.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu là các doanh nghiệp luôn phải có những chính sách hoạt động hợp lý, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển, chỉ có như vậy các doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy, các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý vì trong công cuộc đổi mới hiện nay, kế toán không chỉ là công cụ mà còn góp phần tham gia vào việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp, mà còn thông qua việc thiết lập chứng từ, ghi chép, tính toán, tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học, Ban quản lý công ty có thể nắm được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài sản của đơn vị mình. Bên cạnh đó, việc lập Báo cáo tài chính của công tác kế toán còn phục vụ, cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của Công ty như: chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng, các tổ chức tín dụng, người lao động...đề từ đó ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

3.2.2 Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng có vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy, việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cần thiết và khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc:

- Nguyên tắc thống nhất: Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh. Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.

- Thực hiện đúng chế độ kế toán Nhà nước ban hành, áp dụng các chuẩn mực kế toán, tiến hành tổ chức hạch toán theo đúng quy định.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Tiến hành chỉ đạo thống nhất từ Ban lãnh đạo đến các phòng ban, các đơn vị, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban với phòng ban nhằm đảm bảo sự xuyên suốt, hợp lý.

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp, mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày và lập Báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là những người năng động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Tân Thế Huynh.

Qua quá trình thực tập tại công ty cổ phần Tân Thế Huynh, em đã phần nào hiểu rõ hơn về công tác kế toán nói chung, đặc biệt em đã đi sâu vào tìm hiểu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở nắm vững và tìm hiểu tình hình thực tế cũng như những vấn đề lí luận đã được học, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn nhiều hạn chế cần được khắc phục thì phần hành kế toán của công ty sẽ hoàn thiện

hơn. Vì vậy, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty:

Kiến nghị 1: Về tổ chức bộ máy kế toán và phương pháp ghi chép sổ sách

Để có bộ máy kế toán hoàn chỉnh, hoạt động hiệu quả, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ cho việc lập báo cáo theo quy định của pháp luật thì cần hoàn thiện bộ máy kế toán và hạch toán kế toán trong công ty.

+ Hoàn thiện bộ máy kế toán thì trước hết phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán bằng việc: tổ chức các lớp huấn luyện, đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhân viên phòng kế toán ngay tại công ty, hoặc cho nhân viên đi đào tạo thêm về nghiệp vụ kế toán, học các lớp tin học, các khóa học bên ngoài về sử dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý, thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

+ Công ty nên xem xét việc áp dụng các phần mềm kế toán nhằm giảm bớt gánh nặng công việc cho nhân viên phòng kế toán, và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Trên thị trường hiện nay, có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA... sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty giúp bộ phận kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời, khoa học, hiệu quả cao. Công ty có thể tìm thêm các đối tác để mua hoặc đặt hàng phần mềm để phù hợp với đặc điểm kinh doanh và đặc điểm bộ máy kế toán.

Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ công tác kế toán. Đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công ty.

Công ty thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của công ty cho dù công ty là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm kế toán đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Phần mềm kế toán giúp tối ưu hóa quá trình kinh

doanh để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Hơn nữa, nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh. Bên cạnh đó còn giúp quản lý các đầu mục chi phí một cách hợp lý.

Khi áp dụng phần mềm kế toán giúp cho bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc. Bộ máy kế toán sắp xếp đúng người, đúng việc để đảm bảo các đối tượng được theo dõi một cách chính xác. Từ đó, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cho công ty.

Kiến nghị 2: Về công tác theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Để theo dõi và quản lý chi phí được thực hiện tốt thì kế toán công ty nên mở chi tiết các tài khoản 641 và 642 nhằm theo dõi chi phí phát sinh theo yếu tố:

- ✓ Tài khoản 641 có thể mở thành các tài khoản cấp 2 như:
 - TK 6411: Chi phí nhân viên bán hàng (lương và các khoản trích theo lương).
 - TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài (thuê bến bãi, thuê bốc dỡ vận chuyển, tiền hoa hồng)
 - TK 6418: Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng...).
- ✓ Tài khoản 642 có thể mở chi tiết thành các tài khoản cấp 2 như sau:
 - TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản trích theo lương).
 - TK 6423: Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng
 - TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - TK 6425: Thuế, phí, lệ phí
 - TK 6426: Chi phí dự phòng
 - TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài (tiền điện, tiền nước...)
 - TK 6428: Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, công tác phí...).

Qua việc mở chi tiết các khoản chi phí trên, sẽ giúp cho công ty dễ dàng theo dõi một cách chi tiết các khoản chi phí phát sinh trong kỳ kế toán. Từ đó, giúp nhà quản trị có thể thấy những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THẾ HUYNH
Thôn Tiên Anh – Xã Ngũ Đoan - Huyện Kiến Thụy - HP

Mẫu số S38 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Ghi nợ tài khoản 642 | | | | | |
|-------------------|----------|------------|---|-------------------|----------------------|------|-------------------|-----|--------------------|--------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Chia ra | | | | | |
| | | | | | Tổng số tiền | | 6424 | ... | 6427 | 6428 |
| A | B | C | D | E | 1 | | 4 | | 7 | 8 |
| | | | ... | | ... | | | | | |
| 05/11 | PC 15/11 | 05/11 | Chi mua văn phòng phẩm | 111 | 1.020.000 | | | | | 1.020.000 |
| | | | ... | | | | | | | |
| 31/12 | PC65/12 | 31/12 | Chi tiếp khách | 111 | 1.950.000 | | | | | 1.950.000 |
| 31/12 | BHK12 | 31/12 | Trích khấu hao TSCĐ T12/2011 | 214 | 12.698.388 | | 12.698.388 | | | |
| 31/12 | PC 66/12 | 21/12 | Phòng kinh doanh thanh toán tiếp khách | 111 | 9.350.000 | | | | | 9.350.000 |
| 31/12 | BL12 | 31/12 | Tính lương phải trả bộ phận QLDN T12/2011 | 334 | 62.701.556 | | | | | |
| | | | ... | | ... | | | | | |
| | | | Cộng | | 613.267.745 | | 38.095.164 | | 105.265.339 | 210.753.573 |

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

Kiến nghị 3: Về dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán (Thông tư 228/2009/TT-BTC). Tại công ty, còn những khoản nợ phải thu quá hạn mà kế toán chưa tiến hành trích lập. Vì vậy, kế toán công ty cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi để giúp công ty làm việc hiệu quả.

Các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau :

+ Số tiền phải thu phải theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi;

+ Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ. . .

Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

***/ Phương pháp lập dự phòng**

Công ty phải theo dõi theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.

- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Sau khi trích lập dự phòng cho từng khoản phải thu khó đòi, công ty tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào Bảng kê chứng từ để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

***/ Tài khoản sử dụng :** Tài khoản 139 – Dự phòng phải thu khó đòi.

Tài khoản 139 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi;
- Xoá các khoản nợ phải thu khó đòi.

Bên Có:

- Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số dư bên Có:

- Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

***/ Phương pháp hạch toán:**

- Tại ngày 31/12/N trích lập dự phòng phải thu khó đòi lần đầu cho năm N+1:

Nợ TK 642

Có TK 139

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn kỳ kế toán trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí:

Nợ TK 139

Có TK642

- Trong năm N+1, khi phát sinh tổn thất thực tế, căn cứ vào quy định cho phép xóa sổ khoản nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 139 (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642 (Nếu chưa trích lập dự phòng)

Có TK 131, 138

Đồng thời ghi Nợ TK 004 – Nợ khó đòi đã xử lý

- Các khoản nợ phải thu khó đòi, sau khi có quyết định xử lý xóa sổ, công ty vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và trên TK 004 trong thời gian tối thiểu là 05 năm và tiếp tục có các biện pháp thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112, . . .

Có TK 711 - Thu nhập khác.

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý.

- Tại ngày 31/12/N+1:

+ Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp không phải trích lập

+ Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích lập thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch.

+ Nếu số dự phòng phải trích lập nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Ví dụ: Tại công ty cổ phần Tân Thế Huynh trong năm 2011 có phát sinh các khoản nợ phải thu quá hạn là 210.452.800 đồng và theo quy định công ty cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là: 63.135.840 đồng. Đối với khoản nợ không đòi được của Công ty Cổ phần Sáng Hường là 8.560.000 đồng, công ty cần xóa sổ cho khách hàng.

+/ Vậy kế toán công ty sẽ trích lập dự phòng giá trị khoản nợ phải thu quá hạn trên là:

Nợ TK 642: 63.135.840

Có TK 139: 63.135.840

+/ Còn đối với khoản nợ không đòi được của các công ty như Công ty Cổ phần Sáng Hường, công ty đã nhiều lần cử nhân viên đến đòi nợ nhưng vẫn không đòi

được vì công ty Cổ phần Sáng Hương đã giải thể nên khoản nợ không đòi được này cần được kế toán thực hiện xóa sổ khỏi sổ sách kế toán:

Nợ TK 642: 8.560.000

Có TK 131: 8.560.000

Đồng thời ghi Nợ TK 004 : 8.560.000

Vậy trích lập dự phòng phải thu khó đòi giúp công ty đánh giá được khả năng tính toán của khách hàng, đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty không bị biến động khi phát sinh các khoản nợ không đòi được.

Kiến nghị 4: Về hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty là việc trao đổi, mua bán hàng hóa, tiền được luân chuyển rất nhanh; các nghiệp vụ liên quan đến thu tiền, chi tiền nhiều. Bởi thế, kế toán sẽ gặp khó khăn trong việc theo dõi, quản lý tiền mặt, hàng hóa. Nhưng hiện nay công ty lại không sử dụng các nhật ký đặc biệt để theo dõi riêng các nghiệp vụ thường xuyên phát sinh như sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền...

Để khắc phục thiếu sót trên, Công ty nên mở thêm Nhật ký chi tiền, Nhật ký thu tiền để theo dõi luồng hàng hóa, luồng tiền luân chuyển một cách khoa học. Điều này giúp cho bộ phận kế toán và thủ quỹ dễ quản lý, tránh nhầm lẫn, sai sót.

Đơn vị:
Địa chỉ

Mẫu số S03a2 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm...

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi có TK ... | Ghi Nợ các TK | | | | | | |
|--------------------------|------------|---------------|----------------------------|------------------------|---------------|------------|-----|-----|---------|-----|--|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | ... | | | | TK khác | | |
| | | | | | Số tiền | Số hiệu | ... | ... | ... | ... | |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau | | | | | | | | |

- Sổ này có... trang, đánh số trang từ trang số 01 đến trang....

- Ngày mở sổ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số S03a1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm...

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi Nợ TK ... | Ghi Có các TK | | | | | |
|--------------------------|------------|---------------|----------------------------|------------------------|---------------|---------|-----|-----|---------|--|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | ... | ... | ... | ... | TK khác | |
| | | | | | Số tiền | Số hiệu | | | | |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau | | | | | | | |

-Số này có... trang, đánh số trang từ trang số 01 đến trang....

- Ngày mở sổ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kiến nghị 5: Về chính sách thu hồi nợ và chính sách chiết khấu

Công tác thu hồi nợ đọng còn nhiều hạn chế, nhiều khoản thu đến ngày không thể đòi được. Vậy, vấn đề đặt ra lúc này phải đưa ra giải pháp để giúp cho Công ty thu hồi các khoản phải thu nhanh chóng và rút ngắn vòng quay vốn thì công ty cần phải có những chính sách thu hồi nợ. Để thực hiện thành công chính sách thu hồi nợ thì công ty nên áp dụng biện pháp sau:

+ Có các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi không được thanh toán (lựa chọn khách hàng, giới hạn giá trị tín dụng, yêu cầu đặt cọc, tạm ứng hay trả trước một phần giá trị đơn hàng,...).

+ Có chính sách bán chịu phù hợp với từng khách hàng, khi bán chịu cho khách hàng phải xem xét kỹ khả năng thanh toán của khách hàng trên cơ sở Hợp đồng kinh tế đã ký kết.

+ Có sự ràng buộc chặt chẽ trong Hợp đồng bán hàng, nếu vượt quá thời gian thanh toán theo Hợp đồng thì doanh nghiệp được thu lãi suất tương ứng với lãi suất quá hạn của Ngân hàng. Cần có các quy định cụ thể trong việc thanh toán như áp dụng chặt chẽ thưởng phạt nghiêm minh, từ mềm mỏng đến cứng rắn để thu hồi nợ.

+ Công ty nên áp dụng chính sách “ Chiết khấu thanh toán “ cho khách hàng thường xuyên có uy tín, thanh toán luôn đúng và trước hạn. Còn đối với việc trả chậm sau hạn có thể tính lãi hay áp dụng các biện pháp xử phạt... có như vậy công ty mới nhanh chóng thu hồi được vốn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của công ty.

Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay
- Thời gian thanh toán tiền hàng

- Dựa vào mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào hoạch định chính sách kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau khi xác định được mức trích chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép thông qua tài khoản 635- Chi phí tài chính.

Nợ TK 635:

Có TK 131, 111, 112,..

Thực hiện tốt các giải pháp thu hồi nợ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn để tái sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

KẾT LUẬN

Trong cơ chế hiện nay, vấn đề kế toán thực sự có vị trí quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ quan trọng cho các nhà quản lý nghiên cứu vận dụng, hoàn thiện vấn đề này và hoàn toàn cần thiết với công ty.

Sau một thời gian thực tập tại công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh, tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty, được sự giúp đỡ của các cô, chú trong công ty cùng với sự hướng dẫn của Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ – Giảng viên hướng dẫn, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu. Điều đó giúp em hiểu sâu hơn về lý luận chung, so sánh được sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức đã được học trên ghế nhà trường.

Do thời gian thực tập có hạn cũng như nhận thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình và chu đáo của phòng ban kế toán công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh, Giảng viên – Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ cùng các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán – Kiểm toán trường Đại học dân lập Hải Phòng đã giúp em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Phú Giang - *Kế Toán Thương Mại* : NXB Thống kê năm 2005
2. *Kế toán Tài chính* : NXB Thống kê
3. Trần Hữu Thực - *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)*: NXB Tài Chính năm 2006
4. Trần Hữu Thực - *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)*: NXB Tài Chính năm 2006
5. Trang web *Ketoan.vn*
6. *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15* của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/03/2006
7. *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 48* của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 14/09/2006
8. Tài liệu sổ sách do Công ty cổ phần Tân Thế Huỳnh cung cấp.